

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Lê Văn Bọn

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên        | Tô điểm lẻ        |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|-----------------------|-------------------|
| 1   | 12138005 | Lê Thành Trung      | DH12TD  |        |       | 9,1     | 9,8     |      | 9,6            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 2   | 13138001 | Hoàng Văn Dũng      | DH13TD  |        |       | 8,3     | 3,0     |      | 4,6            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 3   | 13138003 | Lương Đình Đồng     | DH13TD  |        |       |         | ✓       |      | ✓              | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩   | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 4   | 13138006 | Đào Thanh Hữu       | DH13TD  |        |       | 6,0     | 5,0     |      | 5,3            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 5   | 13138008 | Phan Xuân Liêm      | DH13TD  |        |       | 0       | 2,5     |      | 2,0            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 6   | 13138009 | Nguyễn Kim Hải Long | DH13TD  |        |       | 7,8     | 5,0     |      | 5,8            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 7   | 13138010 | Nguyễn Ngọc Nam     | DH13TD  |        |       | 4,9     | 3,0     |      | 3,6            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 8   | 13138011 | Trần Nhật Nghĩa     | DH13TD  |        |       | 6,1     | 5,5     |      | 5,7            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 9   | 13138015 | Võ Bảo Quốc         | DH13TD  |        |       | 7,6     | 7,0     |      | 7,2            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 10  | 13138018 | Nguyễn Thanh Trung  | DH13TD  |        |       | 8,2     | 3,0     |      | 4,5            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 11  | 13138020 | Trần Thanh Tuấn     | DH13TD  |        |       | 0       | 0,5     |      | 0,5            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 12  | 13138021 | Trần Thanh Vĩnh     | DH13TD  |        |       | 3,5     | 3,0     |      | 3,2            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 13  | 13138022 | Ngô Quốc Vương      | DH13TD  |        |       | 5,9     | 2,0     |      | 3,2            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 14  | 13138030 | Trần Huy Chương     | DH13TD  |        |       |         | ✓       |      | ✓              | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩   | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 15  | 13138031 | Lê Bá Công          | DH13TD  |        |       | 8,0     | 2,5     |      | 4,2            | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |



Mã nhận dạng 05170



Trang 2/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Lê Văn Bân

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138033 | Dương Minh Cường  | DH13TD  |        |       | 8,2     | 5,5     |      | 6,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13138042 | Quách Đình Dũng   | DH13TD  |        |       | 7,4     | 2,5     |      | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13138047 | Ngô Việt Định     | DH13TD  |        |       | 6,5     | 8,5     |      | 7,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13138050 | Hồ Anh Đức        | DH13TD  |        |       | 8,7     | 7,3     |      | 7,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13138054 | Tổng Thị Thu Hà   | DH13TD  |        |       | 8,7     | 8,5     |      | 8,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138058 | Cao Xuân Hải      | DH13TD  |        |       | 7,8     | 5,0     |      | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 13138061 | Trần Minh Hải     | DH13TD  |        |       | 8,1     | 6,5     |      | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 13138067 | Nguyễn Trung Hậu  | DH13TD  |        |       | 8,7     | 7,0     |      | 7,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 13138072 | Nguyễn Tư Hiếu    | DH13TD  |        |       | 8,3     | 5,5     |      | 6,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13138073 | Phạm Trung Hiếu   | DH13TD  |        |       | 8,6     | 4,0     |      | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138074 | Kiều Việt Hiệp    | DH13TD  | V      |       |         | V       |      | V              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13138080 | Huỳnh Lê Phúc Hòa | DH13TD  |        |       | 6,3     | 7,5     |      | 7,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 13138083 | Nguyễn Đức Huy    | DH13TD  |        |       | 7,7     | 5,0     |      | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 13138085 | Hoàng Thanh Hùng  | DH13TD  | V      |       |         | V       |      | V              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13138089 | Tô Văn Hưng       | DH13TD  | V      |       |         | V       |      | V              | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05170



Trang 3/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001\_DHI3TD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp

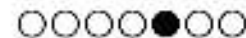
DHI3TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13138090 | Hà Văn Hưng      | DHI3TD  |        |       | 5,5     | 2,0     |      | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 13138091 | Lâm Tấn Kha      | DHI3TD  |        |       | 8,8     | 5,0     |      | 6,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13138093 | Bùi Đức Khá      | DHI3TD  |        |       | 8,7     | 2,5     |      | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 13138096 | Võ Anh Khoa      | DHI3TD  |        |       | 8,3     | 8,3     |      | 8,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 13138097 | Trần Tiến Khôi   | DHI3TD  |        |       | 8,2     | 0,8     |      | 3,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 13138099 | Cao Hoàng Lâm    | DHI3TD  |        |       | 7,6     | 2,0     |      | 3,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 13138108 | Lê Quang Linh    | DHI3TD  |        |       | 8,2     | 5,5     |      | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 13138109 | Trần Hoài Linh   | DHI3TD  |        |       | 8,7     | 6,8     |      | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 13138112 | Dặng Thành Lợi   | DHI3TD  |        |       | 8,2     | 6,0     |      | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 40  | 13138117 | Nguyễn Quốc Mạnh | DHI3TD  |        |       | 5,9     | 1,0     |      | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 41  | 13138118 | Nguyễn Văn Mến   | DHI3TD  |        |       | 9,1     | 1,5     |      | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 42  | 13138128 | Nguyễn Tiến Ngọc | DHI3TD  |        |       | 7,6     | 5,5     |      | 6,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 43  | 13138136 | Ninh Quang Nhật  | DHI3TD  |        |       | 8,2     | 6,5     |      | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 44  | 13138140 | Lê Thị Huỳnh Như | DHI3TD  |        |       | 8,8     | 6,0     |      | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 45  | 13138148 | Phạm Khánh Phi   | DHI3TD  |        |       |         | ✓       |      | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05170



Trang 4/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_01**

Số Tin.Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp

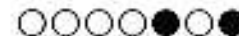
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 46  | 13138154 | Huỳnh Văn Phúc   | DH13TD  |        |       | 8,2  | 1,5  |      | 3,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 47  | 13138157 | Nguyễn Hồng Phúc | DH13TD  |        |       | 3,6  | 0,0  |      | 1,1         | 0002345678910  | 0123456789 |
| 48  | 13138165 | Man Hồng Quân    | DH13TD  |        |       | 0,0  | 1,0  |      | 1,0         | 0002345678910  | 0123456789 |
| 49  | 13138174 | Trần Thị Sáng    | DH13TD  |        |       | 8,4  | 5,0  |      | 6,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 50  | 13138175 | Bùi Thái Sơn     | DH13TD  |        |       |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 51  | 13138178 | Ngô Quốc Sứ      | DH13TD  |        |       | 8,3  | 3,0  |      | 4,6         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 52  | 13138183 | Vũ Minh Tâm      | DH13TD  |        |       | 8,2  | 9,0  |      | 8,7         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 53  | 13138189 | Văn Thành Tân    | DH13TD  |        |       | 8,3  | 7,0  |      | 7,4         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 54  | 13138190 | Trần Văn Tân     | DH13TD  |        |       |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 55  | 13138192 | Phạm Văn Thanh   | DH13TD  |        |       |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 56  | 13138195 | Hà Đình Thành    | DH13TD  |        |       | 7,7  | 1,5  |      | 3,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 57  | 13138198 | Phan Tiến Thành  | DH13TD  |        |       | 5,3  | 1,0  |      | 2,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 58  | 13138200 | Lê Ngọc Thạch    | DH13TD  |        |       | 7,4  | 2,5  |      | 4,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 59  | 13138201 | Vân Thiệu Thắng  | DH13TD  |        |       |      |      |      |             | 0012345678910  | 0123456789 |
| 60  | 13138205 | Vương Bảo Thế    | DH13TD  |        |       | 0    | 0    |      | 0           | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05170



Trang 5/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Lê Văn Bùn

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 5

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 61  | 13138206 | Nguyễn Hoàng Thi   | DH13TD  |        |       | 8,9     | 8,5     |      | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 62  | 13138210 | Trương Văn Thoại   | DH13TD  |        |       | 8,0     | 5,0     |      | 5,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 63  | 13138219 | Hồ Tiệp            | DH13TD  |        |       | 7,4     | 2,0     |      | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 64  | 13138220 | Trương Tấn Tinh    | DH13TD  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 65  | 13138223 | Đinh Quốc Toàn     | DH13TD  |        |       | 8,4     | 2,5     |      | 4,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 66  | 13138227 | Phạm Đình Trang    | DH13TD  |        |       | 7,8     | 4,5     |      | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 67  | 13138229 | Mai Minh Tri       | DH13TD  |        |       | 8,4     | 7,0     |      | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 68  | 13138248 | Nguyễn Thanh Tú    | DH13TD  |        |       | 7,6     | 5,0     |      | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 69  | 13138249 | Nguyễn Khánh Tường | DH13TD  |        |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 70  | 13138253 | Phạm Tiến Việt     | DH13TD  |        |       | 7,8     | 5,0     |      | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 71  | 13138260 | Hoàng Đức Lương    | DH13TD  |        |       | 6,0     | 5,5     |      | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 72  | 13138261 | Nguyễn Trung Hiếu  | DH13TD  |        |       | 8,2     | 5,5     |      | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 73  | 13138263 | Hạ Tiến Hoàng      | DH13TD  |        |       | 3,4     | 2,5     |      | 2,8            | 001234567890   | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cải biến trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_02**

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Bụng

Lớp

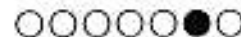
**DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>30% | Đ2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12138003 | Ngư Huy           | Hùng    | DH12TD | V     |           |           |      | V              | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 12138007 | Vô Quốc           | Vinh    | DH12TD | guy   | 5,3       | 6,0       |      | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 12138008 | Trần Lê Tuấn      | Vũ      | DH12TD | LC    | 6,5       | 5,5       |      | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 12138009 | Ngô Hoàng         | Anh     | DH12TD | ay    | 6,3       | 6,0       |      | 6,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 12138010 | Trần Đức          | Anh     | DH12TD | huy   | 6,5       | 4,0       |      | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 12138011 | Ngô Nhật          | Anh     | DH12TD | AK    | 6,4       | 7,5       |      | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 12138034 | Nguyễn Đình Hoàng | Dương   | DH12TD | huy   | 6,5       | 3,0       |      | 4,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 12138044 | Phạm Phúc         | Nha     | DH12TD | ph    | 6,5       | 4,5       |      | 5,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 12138047 | Dương Văn         | Hoan    | DH12TD | huy   | 5,5       | 3,0       |      | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 12138053 | Vũ Quang          | Hùng    | DH12TD | huy   | 6,5       | 3,5       |      | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 12138055 | Huỳnh Tấn         | Hưng    | DH12TD | huy   | 5,0       | 3,0       |      | 3,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 12138066 | Đặng Tiểu         | Long    | DH12TD | LC    | 6,6       | 4,0       |      | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 12138072 | Dương Văn         | Lộc     | DH12TD | huy   | 6,8       | 5,5       |      | 8,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 12138075 | Nguyễn Huy        | Minh    | DH12TD | huy   | 5,5       | 4,3       |      | 4,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 12138099 | Nguyễn Đình       | Thy     | DH12TD | huy   | 5,0       | 5,5       |      | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05171



Trang 2/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Bạt

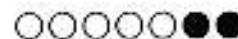
Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 12138103 | Phạm Văn Trường        | DH12TD  |        |       | 5,0     | 2,5     |      | 3,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 12138122 | Nguyễn Thanh Mỹ        | DH12TD  |        |       | 6,5     | 5,0     |      | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 12138126 | Nguyễn Duy Khương      | DH12TD  |        |       | 5,9     | 5,5     |      | 5,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 12138127 | Phan Thanh Quý         | DH12TD  |        |       | 5,8     | 1,5     |      | 2,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 12138131 | Lê Quang Ngọc          | DH12TD  |        |       | 5,5     | 8,0     |      | 7,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 12138134 | Võ Đình Trường         | DH12TD  |        |       | 6,5     | 4,8     |      | 5,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 13138002 | Trương Quang Đại       | DH13TD  |        |       | 5,8     | 1,0     |      | 2,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 13138016 | Ngô Tấn Sang           | DH13TD  |        |       | 7,3     | 5,0     |      | 5,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 13138029 | Ngô Thế Chung          | DH13TD  |        |       | 8,1     | 8,5     |      | 8,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13138051 | Ngô Lộc Trường         | DH13TD  |        |       | 6,3     | 1,5     |      | 2,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138060 | Phan Hồng Hải          | DH13TD  |        |       | 6,8     | 1,5     |      | 3,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13138068 | Hoàng Minh Hiền        | DH13TD  |        |       | 4,4     | 1,0     |      | 2,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 13138076 | Võ Minh Hòa            | DH13TD  |        |       |         |         |      | V              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 13138079 | Nguyễn Trần Minh Hoàng | DH13TD  |        |       | 5,8     | 4,0     |      | 4,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13138098 | Vũ Văn Khương          | DH13TD  |        |       | 6,3     | 2,5     |      | 3,6            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05171



Trang 3/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/06/2016**

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi **TV201**Giảng viên: **Lê Văn Bạt**Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|----------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13138103 | Nguyễn Đình Lân      | DH13TD  |        |       | 7,4     | 1,5     |      | 3,3            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 32  | 13138129 | Trương Văn Ngọc      | DH13TD  |        |       |         |         |      | ✓              | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 33  | 13138141 | Nguyễn Huỳnh Như     | DH13TD  |        |       | 6,9     | 2,0     |      | 3,5            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 34  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú       | DH13TD  |        |       | 7,4     | 2,5     |      | 6,2            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 35  | 13138153 | Huỳnh Hoàng Phú      | DH13TD  |        |       | 9,0     | 6,0     |      | 6,9            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 36  | 13138156 | Nguyễn Hồng Phúc     | DH13TD  |        |       | 6,5     | 4,5     |      | 5,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 37  | 13138166 | Ngô Nguyễn Minh Quân | DH13TD  |        |       | 7,5     | 1,5     |      | 3,3            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 38  | 13138168 | Bùi Công Quyền       | DH13TD  |        |       | 7,4     | 5,0     |      | 5,7            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 39  | 13138171 | Lê Tuấn Sang         | DH13TD  |        |       | 5,8     | 2,0     |      | 3,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 40  | 13138172 | Nguyễn Văn Sang      | DH13TD  |        |       | 4,8     | 1,5     |      | 2,5            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 41  | 13138173 | Trần Vũ              | DH13TD  |        |       |         |         |      | ✓              | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 42  | 13138181 | Phạm Văn Tâm         | DH13TD  |        |       | 6,5     | 4,2     |      | 4,9            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 43  | 13138185 | Lê Duy Tân           | DH13TD  |        |       | 6,3     | 2,0     |      | 3,3            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 44  | 13138199 | Trịnh Viết Thành     | DH13TD  |        |       | 6,3     | 1,5     |      | 2,9            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 45  | 13138211 | Tổng Trần Thông      | DH13TD  |        |       | 7,3     | 5,8     |      | 6,2            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |



Mã nhận dạng 05171



Trang 4/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001\_DH13TD\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 46  | 13138231 | Lê Minh Trọng    | DH13TD  | <i>Trọng</i> |       | 6,1     | 2,5     |      | 3,6            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 47  | 13138232 | Trần Hữu Trọng   | DH13TD  | <i>V</i>     |       |         |         |      | V              | 00012345678910 | 0123456789 |
| 48  | 13138238 | Ngô Vũ Minh Tuấn | DH13TD  | <i>Tuấn</i>  |       | 6,8     | 5,5     |      | 5,9            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 49  | 13138240 | Phạm Anh Tuấn    | DH13TD  | <i>An</i>    |       | 6,8     | 3,5     |      | 4,5            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 50  | 13138251 | Đỗ Ngọc Việt     | DH13TD  | <i>V</i>     |       |         |         |      | V              | 00012345678910 | 0123456789 |
| 51  | 13138254 | Phạm Văn Việt    | DH13TD  | <i>V</i>     |       | 7,5     | 1,5     |      | 3,3            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 52  | 13138255 | Phùng Anh Vi     | DH13TD  | <i>V</i>     |       |         |         |      | V              | 00012345678910 | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi: 45 Số sinh viên vắng: 07

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Lê Quang Hiến*  
Lê Quang Hiến

*Cao Đức Lợi*  
Cao Đức Lợi

*Trần Hữu Trọng*  
Trần Hữu Trọng

*Lê Văn Bạt*  
Lê Văn Bạt

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 001\_DHI4TD\_01

Số Tín Ch. 3

Ngày Thi                      21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

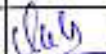
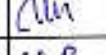
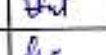
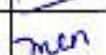
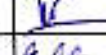
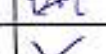
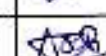
Phỏng Thi RD105

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Lớp

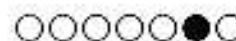
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

| Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa) |          |              |       |         |                                                                                     |       |           |           |      |                |                |            |
|------------------------------------------------|----------|--------------|-------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| STT                                            | Mã SV    | Họ và tên SV |       | Tên Lớp | Chữ ký                                                                              | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
| 1                                              | 13138001 | Hoàng Văn    | Dũng  | DH13TD  |    | 2     | 1.75      | 1.25      | 5.5  | 6.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2                                              | 13138058 | Cao Xuân     | Hải   | DH13TD  |    | 2     | 1.7       | 1.55      | 6.5  | 7.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3                                              | 13138067 | Nguyễn Trung | Hậu   | DH13TD  |    | 2     | 1.9       | 1.575     | 8.5  | 8.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4                                              | 13138073 | Phạm Trung   | Hiếu  | DH13TD  |    | 1     | 1.75      | 1.55      | 5    | 6.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5                                              | 13138074 | Kiều Việt    | Hiệp  | DH13TD  |    | 1     | 1.35      | 0         | 1.5  | 2.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6                                              | 13138085 | Hoàng Thanh  | Hùng  | DH13TD  |    | 1     | 1.05      | 1.55      | 6    | 6.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7                                              | 13138096 | Vô Anh       | Khoa  | DH13TD  |    | 2     | 1.1       | 1.25      | 3    | 4.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8                                              | 13138118 | Nguyễn Văn   | Mến   | DH13TD  |   | 2     | 1.65      | 1.7       | 4    | 5.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9                                              | 13138129 | Trương Văn   | Ngọc  | DH13TD  |  | 2     | 0.8       | 1.15      | 5    | 5.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10                                             | 13138154 | Huỳnh Văn    | Phúc  | DH13TD  |  | 2     | 1.55      | 1.575     | 6    | 6.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11                                             | 13138174 | Trần Thị     | Sảng  | DH13TD  |  | 1     | 1.7       | 1.65      | 6    | 7.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12                                             | 13138183 | Vũ Minh      | Tâm   | DH13TD  |  | 2     | 1.75      | 1.575     | 8.5  | 8.4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13                                             | 13138195 | Hà Đình      | Thành | DH13TD  |  | 1     | 1.55      | 1.6       | 4    | 5.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14                                             | 13138217 | Nguyễn Đức   | Tiến  | DH13TD  |  | ✓     | 0.55      | 0         | 0    | 0.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15                                             | 13138223 | Đinh Quốc    | Toán  | DH13TD  |  | 1     | 1.75      | 1.5       | 6    | 6.9            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05172



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 001\_DH14TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD105

Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thành

Lớp

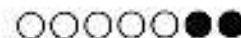
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138240 | Phạm Anh Tuấn      | DH13TD  |        | 1     | 1.3       | 1.6       | 5    | 5.9            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 17  | 13138249 | Nguyễn Khánh Tường | DH13TD  |        | 1     | 1.4       | 1.4       | 5    | 5.8            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 18  | 14138002 | Nguyễn Mạnh Cường  | DH14TD  |        | 2     | 1.65      | 1.7       | 10   | 9.4            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 19  | 14138003 | Võng Cường         | DH14TD  |        | 1     | 1.0       | 1.15      | 1.5  | 3.1            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 20  | 14138005 | Phạm Quốc Dũng     | DH14TD  |        | 1     | 0.6       | 1         | 0.5  | 1.9            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 21  | 14138007 | Sầm Văn Đạo        | DH14TD  |        | 1     | 1.15      | 1.55      | 3    | 4.5            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 22  | 14138008 | Lê Văn Đồng        | DH14TD  |        | 1     | 0.4       | 1.5       | 0.5  | 2.2            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 23  | 14138009 | Hoàng Văn Anh Đức  | DH14TD  |        | 1     | 1.5       | 1.05      | 2.5  | 4.1            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 24  | 14138011 | Nguyễn Chánh Hoàng | DH14TD  |        | 1     | 0.6       | 1.6       | 3    | 4.0            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 25  | 14138012 | Nguyễn Duy Hoàng   | DH14TD  |        | 1     | 0.5       | 1.2       | 5.5  | 5.0            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 26  | 14138014 | Trần Quang Khải    | DH14TD  |        | 1     | 1.5       | 1.55      | 5.5  | 6.4            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 27  | 14138015 | Trần Đăng Khoa     | DH14TD  |        | ✓     | 0         | 0         | 0    | 0.0            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 28  | 14138016 | Phạm Đăng Khôi     | DH14TD  |        | 1     | 1.15      | 1.6       | 5    | 5.8            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 29  | 14138017 | Trần Đức Lâm       | DH14TD  |        | 1     | 1.45      | 1.5       | 2.5  | 4.5            | 00012345678910 | 0123456789 |
| 30  | 14138018 | Nguyễn Hoàng Long  | DH14TD  |        | 1     | 1.45      | 1.55      | 5.5  | 6.3            | 00012345678910 | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05172



Trang 3/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 001\_DH14TD\_01

Số Tin CB 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD105

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 14138019 | Nguyễn Thành | Luân    | Luân   | 1     | 1.3       | 1.4       | 3    | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 14138020 | Lê           | Nghiêm  | Nghiêm | 1     | 1.45      | 1.55      | 2.5  | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 14138021 | Trần Duy     | Nhân    | Trần   | 1     | 0.85      | 1.35      | 3    | 4.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 14138022 | Bùi Thanh    | Phong   | Phong  | 1     | 1.5       | 1.5       | 5.5  | 6.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 14138023 | Lê Hoàng     | Phúc    | Lê     | 1     | 1.5       | 1.5       | 6.0  | 6.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 14138024 | Phương Hoàng | Phúc    | Phúc   | 1     | 1.35      | 1.55      | 4.5  | 5.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 14138026 | Nguyễn Thanh | Quang   | Quang  | 1     | 1.1       | 1.1       | 5.5  | 5.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 14138027 | Phạm Nhật    | Quang   | Phạm   | 2     | 1.4       | 1.65      | 5    | 6.1            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày 07 Tháng 07 Năm 2016

Số sinh viên dự thi: 36 Số sinh viên vắng: 02

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Vũ Đức Văn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Cán Bộ Chấm Thi 2

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 002 DHI4TD 01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi            21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phong Thi PV337

**Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thanh**

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

## Trane 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>2A % | D2<br>2B % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14138028 | Phan Văn Sỹ        | DH14TD  |        | 1     | 1.3        | 1.5        | 4.5  | 5.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 14138031 | Tổng Ngọc Anh      | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.7        | 4.5  | 5.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 14138032 | Lâm Văn Tiến       | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.7        | 3.5  | 5.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 14138034 | Nguyễn Minh Trí    | DH14TD  |        | 1     | 1.3        | 1.65       | 2    | 4.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 14138036 | Nguyễn Hữu Nguyên  | DH14TD  |        | 1     | 1.4        | 1.55       | 2    | 4.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 14138037 | Hồ Mạnh A          | DH14TD  |        | 1     | 0.8        | 0.95       | 1.5  | 2.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 14138042 | Tô Đình Dân        | DH14TD  |        | 2     | 1.45       | 1.6        | 9.5  | 8.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 14138045 | Nguyễn Thành Đạt   | DH14TD  |        | 1     | 1.4        | 1.55       | 2.5  | 4.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 14138047 | Lương Hồng Đông    | DH14TD  |        | 1     | 1.6        | 1.65       | 4.5  | 6.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 14138048 | Nguyễn Hữu Hải     | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.55       | 8    | 7.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 14138051 | Lê Văn Hiếu        | DH14TD  |        | 1     | 0.5        | 1.55       | 1.5  | 3.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 14138054 | Phạm Phú Hùng      | DH14TD  |        | 1     | 1.5        | 0          | 4.5  | 4.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 14138056 | Vũ Thành Hưng      | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.65       | 3    | 4.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 14138057 | Nguyễn Triệu Khang | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.55       | 1    | 3.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 14138058 | Nguyễn Đăng Khoa   | DH14TD  |        | 1     | 1.45       | 1.65       | 4    | 4.5            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05173



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 002\_DH14TD\_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV337

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Lớp

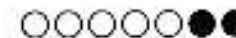
DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14138061 | Nguyễn Đỗ Hùng    | Lâm     |        | 1     | 1.3       | 1.5       | 2.5  | 4.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14138064 | Lê Đình           | Long    |        | 1     | 1.45      | 1.65      | 3    | 4.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14138068 | Vô Lê Hoài        | Nam     |        | 1     | 0.5       | 1.525     | 0.5  | 2.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 14138070 | Lê Thành          | Nghĩa   |        | 2     | 0.9       | 1.625     | 6    | 6.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14138071 | Nguyễn Thị Kiều   | Ngoan   |        | 2     | 1.75      | 1.7       | 7.5  | 8.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 14138072 | Nguyễn Vũ         | Nguyên  |        | 2     | 1.6       | 1.6       | 8    | 8.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 14138073 | Nguyễn Thành      | Nhân    |        | 2     | 1.8       | 1.575     | 6    | 7.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14138077 | Vô Văn            | Phương  |        | 1     | 1.45      | 1.55      | 3.5  | 5.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14138078 | Vô Đại            | Phước   |        | 2     | 1.45      | 1.55      | 6    | 6.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 14138083 | Nguyễn Hồng       | Sơn     |        | 2     | 0.45      | 1.7       | 6    | 5.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 14138085 | Lê Hữu            | Tài     |        | 1     | 1.1       | 1.5       | 7.5  | 5.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 14138088 | Nguyễn Đăng Trung | Thánh   |        | 1     | 1.3       | 1.5       | 3.5  | 4.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 14138091 | Dương Thanh       | Thảo    |        | 1     | 1.35      | 0.9       | 0.5  | 2.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 14138096 | Nguyễn Công       | Thiện   |        | 2     | 0.55      | 1.35      | 7    | 6.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 14138100 | Nguyễn Văn        | Tĩnh    |        | 1     | 1.3       | 1.5       | 8    | 7.6            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05173



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ sở điều khiển tự động (207502) - 002\_DH14TD\_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV337

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký                    | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|---------------------------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 14138104 | Phan Văn Toàn      | DH14TD  | <i>Phan Văn Toàn</i>      | 1     | 0.8       | 1.25      | 4.5  | 4.8            | 0011234567890  | 0123456789 |
| 32  | 14138106 | Nguyễn Trọng Trí   | DH14TD  | <i>Nguyễn Trọng Trí</i>   | 1     | 1.35      | 1.55      | 4    | 5.3            | 0011234567890  | 0123456789 |
| 33  | 14138109 | Nguyễn Thái Trường | DH14TD  | <i>Nguyễn Thái Trường</i> | 1     | 1.35      | 1.55      | 2    | 4.1            | 0011234567890  | 0123456789 |

Ngày 07 Tháng 07 Năm 2016

Số sinh viên dự thi: 33 Số sinh viên vắng: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*N. V. Kiệp*  
N. V. Kiệp

*Đào Duy Vinh*  
Đào Duy Vinh

*TS. Võ Ngọc Thanh*  
TS. Võ Ngọc Thanh

*Nguyễn Võ Ngọc Thanh*  
Nguyễn Võ Ngọc Thanh

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 001\_DH13TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp DH11OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 11154045 | Chu Đức Minh           | DH11OT  |        |       | 4,5     | 3,0     |      | 3,5            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 2   | 12138075 | Nguyễn Huy Minh        | DH12TD  |        |       | 6,5     | 4,0     |      | 4,8            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 3   | 12138103 | Phạm Văn Trường        | DH12TD  |        |       | 7,0     | 4,5     |      | 5,3            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 4   | 12154043 | Dương Nhật Trường      | DH12OT  |        | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0001234567890  | 0123456789 |
| 5   | 13138010 | Nguyễn Ngọc Nam        | DH13TD  |        |       | 8,0     | 5,5     |      | 6,3            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 6   | 13138030 | Trần Huy Chương        | DH13TD  |        |       | 8,3     | 5,5     |      | 6,3            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 7   | 13138068 | Hoàng Minh Hiếu        | DH13TD  |        |       | 4,0     | 2,0     |      | 2,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 8   | 13138079 | Nguyễn Trần Minh Hoàng | DH13TD  |        |       | 7,0     | 4,0     |      | 4,9            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 9   | 13138096 | Võ Anh Khoa            | DH13TD  |        |       | 8,5     | 7,0     |      | 7,5            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 10  | 13138098 | Vũ Văn Khương          | DH13TD  |        |       | 0       | 2,5     |      | 2,5            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 11  | 13138116 | Võ Tấn Lý              | DH13TD  |        |       | 7,5     | 6,5     |      | 6,8            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 12  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú         | DH13TD  |        |       | 7,0     | 8,0     |      | 7,7            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 13  | 13138163 | Phạm Lưu Phước         | DH13TD  |        |       | 6,5     | 2,5     |      | 3,7            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 14  | 13138173 | Trần Vũ Sang           | DH13TD  |        | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0001234567890  | 0123456789 |
| 15  | 13138217 | Nguyễn Đức Tiến        | DH13TD  |        | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0001234567890  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05174



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 001\_DH13TD\_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Lê Văn Bạ

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138232 | Trần Hữu Trọng   | DH13TD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13138251 | Đỗ Ngọc Việt     | DH13TD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13153015 | Chu Hoài Nam     | DH13CD  | Nam    |       | 6,5     | 2,3     |      | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153023 | Tăng Thành Tháo  | DH13CD  | Tháo   |       | 2,5     | 1,8     |      | 2,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13153029 | Trần Văn Vĩ      | DH13CD  | Vĩ     |       | 6,5     | 2,0     |      | 3,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13153074 | K"               | DH13CD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13153103 | Nguyễn Đông Hoài | DH13CD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13153108 | Bàn Thế Hồng     | DH13CD  | Hồng   |       | 5,0     | 4,5     |      | 4,7            | 001234567890   | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi: 16. Số sinh viên vắng: 3.

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

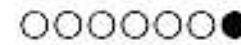
Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hân

Cao Đức Lợi

Đặng Kiên Duyệt

Lê Văn Bạ



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 002\_DH13TD\_01**

Số Tin Ch **3**

Ngày Thi **17/06/2016**

Giờ Thi: **07:00**

Phòng Thi **RD103**

Giảng viên: **Lê Văn Bạt**

Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13153124 | Nguyễn Trọng Khang  | DH13CD  |        |       | 5,3     | 1,5     |      | 2,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13153138 | Trần Quang Kỳ       | DH13CD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13153172 | Nguyễn Tiến Phong   | DH13CD  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13153176 | Huỳnh Nguyễn Phúc   | DH13CD  |        |       | 7,0     | 4,0     |      | 4,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13153181 | Nguyễn Hoàng Phương | DH13CD  |        |       | 6,0     | 1,5     |      | 2,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13153186 | Trần Minh Quang     | DH13CD  |        |       | 4,5     | 2,0     |      | 2,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13153236 | Phạm Trọng Tín      | DH13CD  |        |       | 7,0     | 5,5     |      | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13153238 | Mai Thanh Tinh      | DH13CD  |        |       | 6,5     | 3,0     |      | 4,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13153255 | Lê Ngọc Triệu Tuấn  | DH13CD  |        |       | 6,3     | 1,5     |      | 2,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13154015 | Nguyễn Tấn Hải      | DH13OT  |        |       | 7,5     | 5,0     |      | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13154017 | Nguyễn Văn Hậu      | DH13OT  |        |       | 7,0     | 0,5     |      | 2,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13154021 | Trần Đức Hiếu       | DH13OT  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 13154066 | Nguyễn Tùng         | DH13OT  |        |       | 3,0     | 3,0     |      | 3,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13154127 | Võ Quốc Khải        | DH13OT  | ✓      | ✓     | ✓       | ✓       |      | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13154158 | Nguyễn Hoài Phương  | DH13OT  |        |       | 3,5     | 1,5     |      | 2,9            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05175



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 002\_DH13TD\_01

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD103

Giảng viên: Lê Văn Bân

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trung 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154163 | Đào Trần Phú Quốc | DH13OT  |        |       | 6,5     | 6,5     |      | 6,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13154177 | Đinh Mai Bắc      | DH13OT  |        |       | 0       | 1,0     |      | 1,0            | 0002345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13154183 | Nguyễn Văn Thơm   | DH13OT  |        |       | 5,5     | 5,5     |      | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13154204 | Trần Phước Tường  | DH13OT  |        |       | 5,7     | 5,0     |      | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13154208 | Nguyễn Thế Viễn   | DH13OT  |        |       | 3,5     | 4,5     |      | 2,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 14138034 | Nguyễn Minh Trí   | DH14TD  |        |       | 3,5     | 4,5     |      | 2,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 14138047 | Lương Hồng Đông   | DH14TD  |        |       | 6,5     | 4,0     |      | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14138083 | Nguyễn Hồng Sơn   | DH14TD  |        |       | 5,5     | 2,5     |      | 3,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14153011 | Châu Khánh Đạt    | DH14CD  |        |       | 8,7     | 6,0     |      | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 14153016 | Trần Dương Hoan   | DH14CD  |        |       | 8,7     | 8,0     |      | 8,2            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi: 24 Số sinh viên vắng: 1

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

  
Nguyễn Thanh Dũng  
Đinh Thị Dung  
Lê Văn Bân

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001\_DH13CC\_01** Số Tin Ch **3**

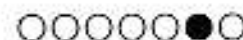
Ngày Thi **22/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **RD302** Giảng viên: **Nguyễn Văn Công Chính**

Lớp **DH12NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)** Trang **1**

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12137019 | Phan Văn Linh       | DH12NL  | <i>linh</i>  |       | 8,5        | 10         | 7,0  | 7,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 2   | 13118004 | Nguyễn Thế Bảo      | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 7,5        | 8,0        | 9,0  | 8,8            | ○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 3   | 13118009 | Nguyễn Văn Dư       | DH13CC  | <i>Dư</i>    |       | 6,0        | 5,0        | 7,5  | 7,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 4   | 13118019 | Vũ Xuân Hoàng       | DH13CC  | <i>Hoang</i> |       | 7,0        | 10         | 10   | 9,7            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 5   | 13118022 | Trần Anh Kiệt       | DH13CC  | <i>kj</i>    |       | 0,0        | 0,0        | 4,5  | 3,6            | ○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 6   | 13118023 | Đoàn Nguyễn Anh Kim | DH13CC  | <i>AK</i>    |       | 6,0        | 9,0        | 9,5  | 9,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 7   | 13118031 | Trương Minh Nghĩa   | DH13CC  | <i>Minh</i>  |       | 10         | 10         | 9,5  | 9,6            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 8   | 13118046 | Kim Thái Sơn        | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 6,5        | 8,5        | 8,5  | 8,3            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 9   | 13118066 | Nguyễn Thế Vũ       | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 7,0        | 8,0        | 9,0  | 8,7            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 10  | 13118080 | Nguyễn Phúc Bạo     | DH13CC  | <i>B</i>     |       | 10         | 10         | 10   | 10,0           | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 11  | 13118081 | Trần Thế Bình       | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 6,5        | 5,5        | 5,5  | 5,6            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 12  | 13118096 | Mai Thành Duy       | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 10         | 10         | 9,0  | 9,2            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 13  | 13118110 | Phạm Minh Đại       | DH13CC  | <i>Đ</i>     |       | 6,5        | 8,5        | 9,5  | 9,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 14  | 13118120 | Trần Cư Được        | DH13CC  | <i>Đ</i>     |       | 8,5        | 10         | 9,0  | 9,1            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 15  | 13118126 | Lê Xuân Hà          | DH13CC  | <i>Th</i>    |       | 9,0        | 9,0        | 8,5  | 8,6            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩    | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |



Mã nhận dạng 05176



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 001\_DH13CC\_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD302 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí) Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13118137 | Nguyễn Trọng Hiếu | DH13CK  |        |       | 7,5        | 10         | 9,5  | 9,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13118138 | Nguyễn Văn Hiếu   | DH13CC  |        |       | 6,0        | 10         | 9,0  | 8,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13118146 | Nguyễn Quốc Hòa   | DH13CC  |        |       | 7,0        | 10         | 9,5  | 9,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13118196 | Lê Văn Linh       | DH13CC  |        |       | 8,0        | 9,0        | 5,5  | 6,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13118203 | Nguyễn Hữu Lợi    | DH13CC  |        |       | 7,0        | 10         | 10   | 9,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13118230 | Cao Hoàng Phi     | DH13CK  |        |       | 6,0        | 0,0        | 5,5  | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13118249 | Tạ Văn Quyền      | DH13CK  |        |       | 6,5        | 9,0        | 9,0  | 8,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13118257 | Vũ Tuấn Sơn       | DH13CC  |        |       | 7,5        | 5,0        | 9,5  | 8,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13118267 | Trương Minh Tâm   | DH13CC  |        |       | 7,0        | 10         | 9,5  | 9,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13118282 | Trần Nam Thăng    | DH13CK  |        |       | 7,0        | 5,0        | 5,0  | 5,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13118284 | Lâm Văn Thiệt     | DH13CC  |        |       | 7,0        | 9,0        | 9,0  | 8,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13118298 | Nguyễn Văn Tiến   | DH13CC  |        |       | 6,0        | 8,5        | 9,5  | 9,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13118308 | Phạm Văn Tráng    | DH13CC  |        |       | 6,0        | 10         | 9,0  | 8,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13118319 | Nguyễn Huy Trung  | DH13CC  |        |       |            |            |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13118321 | Trần Minh Trung   | DH13CK  |        |       | 8,0        | 10         | 9,0  | 9,0            | 001234567890   | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002\_DH13CC\_01** Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP) Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên  | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|-----------------|------------|
| 1   | 13118323 | Bùi Văn Truyền     | DH13CC  |        |       | 7,0        | 8,5        | 8,5  | 8,4            | ○○○1234567●910  | ○123456789 |
| 2   | 13118326 | Nguyễn Nhật Trường | DH13CC  |        |       | 6,0        | 6,0        | 8,0  | 7,6            | ○○○123456●78910 | ○123456789 |
| 3   | 13118331 | Hoàng Văn Tuấn     | DH13CC  |        | ✓     |            |            |      | ✓              | ●○○12345678910  | ○123456789 |
| 4   | 13118349 | Dương Đức Vinh     | DH13CC  |        |       | 8,0        | 10         | 9,0  | 9,0            | ○○○12345678●910 | ●123456789 |
| 5   | 13118353 | Hoàng Đức Vũ       | DH13CC  |        |       | 6,0        | 5,5        | 7,0  | 6,8            | ○○○12345●678910 | ○123456789 |
| 6   | 13118354 | Lê Lương Tuấn      | DH13CC  |        |       | 6,5        | 7,0        | 8,0  | 7,8            | ○○○123456●78910 | ○123456789 |
| 7   | 13118365 | Trần Văn Tịnh      | DH13CC  |        |       | 10         | 9,0        | 8,5  | 8,7            | ○○○1234567●8910 | ○123456789 |
| 8   | 13137026 | Nguyễn Minh Châu   | DH13NL  |        |       | 7,0        | 8,0        | 7,0  | 7,1            | ○○○123456●78910 | ○123456789 |
| 9   | 13137036 | Trần Khánh Duy     | DH13NL  |        |       | 8,5        | 9,0        | 9,0  | 9,0            | ○○○12345678●910 | ●123456789 |
| 10  | 13137041 | Trần Ngọc Dũng     | DH13NL  |        |       | 5,0        | 5,0        | 4,0  | 4,2            | ○○○12345678910  | ○123456789 |
| 11  | 13137059 | Nguyễn Ngọc Hoàn   | DH13NL  |        |       | 10         | 6,5        | 3,0  | 4,1            | ○○○12345678910  | ○123456789 |
| 12  | 13137062 | Hồ Thanh Hoàng     | DH13NL  |        |       | 7,0        | 8,5        | 5,0  | 5,6            | ○○○12345●678910 | ○123456789 |
| 13  | 13137104 | Nguyễn Tấn Phong   | DH13NL  |        |       | 6,0        | 5,0        | 9,5  | 8,7            | ○○○1234567●8910 | ○123456789 |
| 14  | 13137112 | Nguyễn Minh Quan   | DH13NL  |        |       | 7,0        | 9,0        | 4,5  | 5,2            | ○○○12345678910  | ○123456789 |
| 15  | 13137122 | Đỗ Khánh Tâm       | DH13NL  |        |       | 6,0        | 10         | 8,5  | 8,4            | ○○○1234567●8910 | ○123456789 |



Mã nhận dạng 05177



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 002\_DH13CC\_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ  |
|-----|----------|------------------|---------|---------------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|-------------|
| 16  | 13137156 | Dương Minh Tú    | DH13NL  |               | ✓     |            |            |      | ✓              | 00012345678910 | 00123456789 |
| 17  | 13138005 | Đậu Việt Hùng    | DH13TD  | <i>Đậu</i>    |       | 5,0        | 6,5        | 4,0  | 4,4            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 18  | 13138009 | Nguyễn Kim Hải   | DH13TD  | <i>Nguyễn</i> |       | 6,5        | 9,0        | 6,5  | 6,8            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 19  | 13138022 | Ngô Quốc Vương   | DH13TD  | <i>Ngô</i>    |       | 6,5        | 7,0        | 6,0  | 6,2            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 20  | 13138030 | Trần Huy Chương  | DH13TD  | <i>Trần</i>   |       | 6,5        | 6,5        | 5,5  | 5,7            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 21  | 13138067 | Nguyễn Trung Hậu | DH13TD  | <i>Hậu</i>    |       | 10         | 9,0        | 7,5  | 7,9            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 22  | 13138097 | Trần Tiến Khôi   | DH13TD  | <i>Khôi</i>   |       | 9,5        | 5,5        | 5,5  | 5,9            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 23  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú   | DH13TD  | <i>Phú</i>    |       | 6,0        | 9,0        | 7,0  | 7,1            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 24  | 13138165 | Mạn Hồng Quân    | DH13TD  | <i>Quân</i>   |       | 7,0        | 5,0        | 6,5  | 6,4            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 25  | 13138195 | Hà Đình Thành    | DH13TD  | <i>Hà</i>     |       | 5,0        | 6,0        | 4,5  | 4,7            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 26  | 13153005 | Đặng Hữu Đệ      | DH13CD  | <i>Đệ</i>     |       | 7,5        | 8,0        | 8,5  | 8,4            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 27  | 13153009 | Ngô Thanh Huy    | DH13CD  | <i>Huy</i>    |       | 9,0        | 10         | 7,0  | 7,5            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 28  | 13153012 | Nguyễn Hữu Lộc   | DH13CD  | <i>Lộc</i>    |       | 6,0        | 9,0        | 1,0  | 1,4            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 29  | 13153015 | Chu Hoài Nam     | DH13CD  | <i>Nam</i>    |       | 7,0        | 10         | 9,0  | 8,9            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 30  | 13153016 | Nguyễn Minh Ngọc | DH13CD  | <i>Ngọc</i>   |       | 6,0        | 7,0        | 4,5  | 4,9            | 00012345678910 | 00123456789 |



Mã nhận dạng 05177



Trang 3/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 002\_DH13CC\_01 Số Tin Ch 3

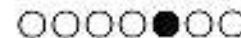
Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử) Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>10% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13153018 | Diệp Chí Quân     | DH13CD  |        |       | 6,0       | 9,0       | 2,0  | 2,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13153022 | Nguyễn Hữu Tân    | DH13CD  |        |       | 10        | 10        | 9,5  | 9,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13153068 | Mai Quốc Đạt      | DH13CD  |        |       | 6,5       | 7,0       | 7,0  | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13153104 | Hà Lý Gia         | DH13CD  |        |       | 6,0       | 8,5       | 5,5  | 5,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13153110 | Đoàn Đức Huy      | DH13CD  |        |       | 10        | 8,5       | 9,5  | 9,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 36  | 13153111 | Đỗ Ngọc Quốc      | DH13CD  |        |       | 8,0       | 8,0       | 8,5  | 8,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 37  | 13153119 | Nguyễn Văn Hưng   | DH13CD  |        |       | 6,0       | 10        | 9,0  | 8,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 38  | 13153176 | Huỳnh Nguyễn Phúc | DH13CD  |        |       | 6,5       | 6,5       | 5,5  | 5,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 39  | 13153255 | Lê Ngọc Triệu     | DH13CD  |        |       | 6,0       | 5,5       | 6,0  | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 40  | 13153280 | Lương Trung       | DH13CD  |        |       | 6,0       | 10        | 6,0  | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 41  | 13154059 | Nguyễn Minh       | DH13OT  |        |       | 6,0       | 9,0       | 5,5  | 5,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 42  | 13154066 | Nguyễn Tùng       | DH13OT  |        |       | 9,5       | 6,0       | 3,0  | 3,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 43  | 13154111 | Hoàng Ngọc Hoài   | DH13OT  |        |       | 6,0       | 5,0       | 5,5  | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 44  | 13154123 | Phạm Hùng         | DH13OT  |        |       | 0,0       | 0,0       | 5,5  | 4,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 45  | 13154126 | Nguyễn Vũ Khang   | DH13OT  |        |       | 6,0       | 6,0       | 7,5  | 7,2            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05177



Trang 4/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 002\_DH13CC\_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên           | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 46  | 13154141 | Nguyễn Thành Long | DH130T  |        |       | 5,0        | 5,0        | 8,0  | 7,4            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 47  | 13154157 | Lê Hồng Phong     | DH130T  |        |       | 6,0        | 8,5        | 8,0  | 7,9            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 48  | 13154185 | Đinh Ngọc Thức    | DH130T  |        |       | 6,0        | 5,0        | 9,0  | 8,3            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 49  | 13334233 | Nguyễn Hoàng Tuấn | CD13C1  |        |       | 7,5        | 5,0        | 5,5  | 5,7            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số sinh viên dự thi: 42 Số sinh viên vắng: 2

Ngày 20 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

  
Phan Minh Việt  
Lê Văn Sơn  
Lê Văn Sơn  
Nguyễn Văn Công Chính

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 001\_DH13CK\_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV225

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

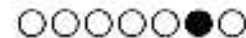
DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|----------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12153074 | Trần Trọng Khiêm     | DH12CD  |        |       | 6,0        | 8,0        | 9,0  | 8,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13118002 | Đặng Ngọc ản         | DH13CK  |        |       | 6,0        | 6,0        | 9,5  | 8,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13118008 | Nguyễn Hoài Anh      | DH13CK  |        |       | 9,0        | 5,0        | 9,5  | 9,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13118010 | Lê Tiến Đạt          | DH13CK  |        |       | 8,0        | 6,5        | 8,0  | 7,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13118017 | Trần Văn Hiệu        | DH13CK  |        |       | 9,0        | 10         | 9,5  | 9,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13118024 | Ngô Minh Lan         | DH13CK  |        |       | 7,0        | 9,0        | 9,5  | 9,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13118030 | Trần Quốc Nam        | DH13CK  |        |       | 6,0        | 8,5        | 9,5  | 9,1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13118041 | Lê Minh Phương       | DH13CK  |        |       | 9,0        | 8,5        | 9,5  | 9,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13118045 | Nguyễn Văn Sang      | DH13CK  |        |       | 4,0        | 7,5        | 5,0  | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13118049 | Lương Ngọc Tấn       | DH13CK  |        |       | 5,0        | 7,0        | 5,0  | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13118054 | Đoàn Văn Thoại       | DH13CK  |        |       | 5,0        | 9,0        | 9,0  | 8,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13118092 | Phạm Hùng Cường      | DH13CC  |        |       | 6,0        | 7,0        | 5,5  | 5,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 13118104 | Nguyễn Đông Dương    | DH13CK  |        |       | 9,0        | 9,0        | 7,0  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13118112 | Nguyễn Tiến Đạt      | DH13CK  |        |       | 6,0        | 9,0        | 6,5  | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13118123 | Trịnh Đình Thanh Đức | DH13CK  |        |       | 6,0        | 9,0        | 7,5  | 7,5            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05178



Trang 2/4

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 001\_DHI3CK\_07 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV225

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

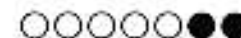
DHI3CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ  |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|-------------|
| 16  | 13118132 | Nguyễn Văn Hải     | DHI3CK  |        |       | 5,0        | 6,5        | 6,0  | 6,0            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 17  | 13118133 | Nguyễn Hoàng Hào   | DHI3CK  |        |       | 0,0        | 0,0        | 7,0  | 5,6            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 18  | 13118140 | Đặng Ngọc Hiệu     | DHI3CK  |        |       | 5,0        | 8,0        | 4,0  | 4,5            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 19  | 13118147 | Nguyễn Thái Hòa    | DHI3CK  |        |       | 6,0        | 0,0        | 8,5  | 7,4            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 20  | 13118156 | Đỗ Minh Huy        | DHI3CK  |        |       | 6,0        | 7,0        | 4,0  | 4,5            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 21  | 13118208 | Bùi Lương Bảo Minh | DHI3CK  |        |       | 10         | 6,0        | 5,0  | 5,6            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 22  | 13118231 | Nguyễn Văn Phi     | DHI3CK  |        |       | 4,0        | 9,0        | 4,5  | 4,9            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 23  | 13118241 | Ngô Duy Quang      | DHI3CK  |        |       | 7,0        | 6,0        | 9,5  | 8,9            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 24  | 13118275 | Đặng Anh Thảo      | DHI3CK  |        |       | 8,0        | 10         | 9,5  | 9,4            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 25  | 13118276 | Đàm Minh Thái      | DHI3CK  |        |       | 5,0        | 8,0        | 7,5  | 7,3            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 26  | 13118279 | Trương Quang Thanh | DHI3CK  |        |       | 8,0        | 7,5        | 8,0  | 8,0            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 27  | 13118291 | Phạm Hữu Thường    | DHI3CK  |        |       | 7,0        | 9,0        | 9,0  | 8,8            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 28  | 13118301 | Lê Đức Tin         | DHI3CC  |        |       | 8,0        | 6,5        | 1,0  | 2,3            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 29  | 13118318 | Nguyễn Đức Trung   | DHI3CC  |        |       | 10         | 9,0        | 9,5  | 9,5            | 0001234567890  | 00123456789 |
| 30  | 13118332 | Lê Quốc Tuấn       | DHI3CK  |        |       | 9,5        | 9,0        | 9,5  | 9,5            | 0001234567890  | 00123456789 |



Mã nhận dạng 05178



Trang 3/4

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 001\_DH13CK\_02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV225 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí) Trung 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13118337 | Nguyễn Thanh Tuấn | DH13CK  |        |       | 9,5        | 10         | 8,0  | 8,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13118367 | Huỳnh Đăng Khoa   | DH13CK  |        |       | 7,0        | 7,0        | 6,5  | 6,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13137045 | Lâm Quốc Đạt      | DH13NL  |        |       | 8,5        | 7,0        | 5,5  | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13137065 | Huỳnh Nguyễn Hòa  | DH13NL  |        |       | 4,0        | 8,0        | 7,0  | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13137141 | Trần Thắng Thuận  | DH13NL  |        |       | 5,0        | 8,5        | 6,0  | 6,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 36  | 13137147 | Phạm Thế Toàn     | DH13NL  |        |       | 5,0        | 10         | 5,0  | 5,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 37  | 13137155 | Nguyễn Thanh Tuấn | DH13NL  |        |       | 6,0        | 10         | 9,0  | 8,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 38  | 13138002 | Trương Quang Đạt  | DH13TD  |        |       | 10         | 9,0        | 6,0  | 6,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 39  | 13138008 | Phan Xuân Liêm    | DH13TD  |        |       | 10         | 7,5        | 7,0  | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 40  | 13138076 | Võ Minh Hòa       | DH13TD  |        |       | 6,0        | 6,0        | 5,0  | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 41  | 13138117 | Nguyễn Quốc Mạnh  | DH13TD  |        |       | 0,0        | 5,0        | 5,0  | 4,5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 42  | 13138129 | Trương Văn Ngọc   | DH13TD  |        |       | 6,0        | 5,5        | 4,0  | 4,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 43  | 13138181 | Phạm Văn Tâm      | DH13TD  |        |       | 9,0        | 6,0        | 4,0  | 4,7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 44  | 13138205 | Vương Bảo Thế     | DH13TD  |        |       | 5,0        | 8,0        | 4,0  | 4,5            | 0012345678910  | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ  
Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002\_DH13CK\_01** Số Tín Ch **3**

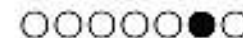
Ngày Thi **22/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD203** Giảng viên: **Nguyễn Văn Công Chính**

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)** Trang **1**

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>10% | D2<br>10% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 13138220 | Trương Tấn   | Tinh    | DH13TD |       | 5,0       | 6,5       | 5,0  | 5,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 2   | 13138229 | Mai Minh     | Tri     | DH13TD |       | 9,5       | 9,0       | 9,5  | 9,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 3   | 13138249 | Nguyễn Khánh | Tường   | DH13TD |       | 8,0       | 9,0       | 9,0  | 8,9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 4   | 13138260 | Hoàng Đức    | Lương   | DH13TD |       | 5,0       | 8,5       | 8,0  | 7,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 5   | 13153024 | Lê Văn       | Thuận   | DH13CD |       | 4,0       | 9,0       | 5,5  | 5,7            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 6   | 13153031 | Trần Thế     | Vương   | DH13CD |       | 6,0       | 9,0       | 9,0  | 8,7            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 7   | 13153121 | Võ Thị Kim   | Hương   | DH13CD |       | 10        | 7,5       | 5,0  | 5,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 8   | 13153122 | Mai Đức      | Hữu     | DH13CD |       | 0,0       | 7,5       | 8,5  | 7,6            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 9   | 13153123 | Trần Minh    | Kha     | DH13CD |       | 7,0       | 7,5       | 8,0  | 7,9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 10  | 13153173 | Nguyễn Văn   | Phong   | DH13CD |       | 10        | 8,5       | 9,5  | 9,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 11  | 13153238 | Mai Thanh    | Tinh    | DH13CD |       | 8,0       | 10        | 7,0  | 7,4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 12  | 13154015 | Nguyễn Tấn   | Hải     | DH13OT |       | 0,0       | 0,0       | 2,0  | 1,6            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 13  | 13154018 | Hồ Thanh     | Hết     | DH13OT |       | 9,0       | 8,0       | 6,5  | 6,9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 14  | 13154051 | Ngô Tấn      | Tài     | DH13OT |       | 8,5       | 10        | 7,5  | 7,9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 15  | 13154065 | Nguyễn Văn   | Trung   | DH13OT |       | 4,0       | 7,0       | 8,0  | 7,5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |



Mã nhận dạng 05179



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

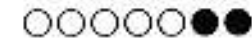
Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002\_DH13CK\_02** Số Tín Ch **3**Ngày Thi **22/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD203** Giảng viên: **Nguyễn Văn Công Chính**Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)** Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13154068 | Phạm Hiền Vinh     | DH13OT  |        |       | 7,0        | 10         | 8,0  | 8,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13154139 | Nguyễn Đức Linh    | DH13OT  |        |       | 9,0        | 6,0        | 9,5  | 9,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13154149 | Vũ Tấn Nga         | DH13OT  |        |       | 6,0        | 10         | 9,5  | 9,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13154187 | Phạm Trung Tín     | DH13OT  |        |       | 6,0        | 9,0        | 9,5  | 9,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13154194 | Nguyễn Nhật Trường | DH13OT  |        |       | 10         | 10         | 9,0  | 9,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13334016 | Trần Thanh Bình    | CD13CI  |        |       | 7,0        | 8,0        | 7,0  | 7,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13334023 | Lê Tuấn Chiến      | CD13CI  |        |       | 5,0        | 8,5        | 4,0  | 4,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13334048 | Ngô Huỳnh Đăng     | CD13CI  |        |       | 9,5        | 8,0        | 8,5  | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13334075 | Nguyễn Huy Hoàng   | CD13CI  |        |       | 5,0        | 5,0        | 2,0  | 2,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13334081 | Nguyễn Bá Huy      | CD13CI  |        |       | 4,0        | 8,5        | 5,5  | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13334092 | Nguyễn Văn Hữu     | CD13CI  |        |       | 6,0        | 9,0        | 6,0  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13334133 | Lê Hữu Nhân        | CD13CI  |        |       | 5,0        | 8,5        | 7,0  | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13334155 | Nguyễn Tấn Quốc    | CD13CI  |        |       | 5,0        | 6,5        | 5,0  | 5,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13334204 | Nguyễn Hồng Thuận  | CD13CI  |        |       | 5,0        | 7,0        | 5,0  | 5,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13334212 | Lâm Quốc Tiến      | CD13CI  |        |       | 5,0        | 7,5        | 5,5  | 5,7            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05179



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật TD khí nén &amp; thủy lực (207504) - 002\_DH13CK\_02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí) Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>10 % | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13334214 | Trần Quốc Tin    | CD13CI  |        |       | 10         | 10         | 9,5  | 9,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13334222 | Từ Hữu Trí       | CD13CI  |        |       | 6,0        | 9,0        | 3,0  | 3,9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13334236 | Phạm Minh Tú     | CD13CI  |        |       |            |            |      | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13334244 | Lê Quang Vinh    | CD13CI  |        |       | 7,0        | 5,0        | 7,0  | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13334252 | Nguyễn Tấn Như ý | CD13CI  |        |       | 10         | 5,0        | 8,5  | 8,3            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi: 35 Số sinh viên vắng: 01

Ngày 20 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hùng Khoa

Trương Quang Tuấn

Lê Thị Bình

Nguyễn Văn Công Chính

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Điện tử công suất (207510) - 001\_DH13CD\_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

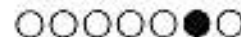
Lớp **DH09CD17 (Đại học Chính quy (Tín chỉ)-Cơ điện tử-2009)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp  | Chữ ký | Số tờ | D1<br>30 % | D2<br>40 % | Đ.Số<br>CĐ | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|----------|--------|-------|------------|------------|------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 09153068 | Lê Hoài Phong          | DH09CD17 |        |       | 5          | 1          | 2          | 2.7            | ○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥●⑧⑨  |
| 2   | 11153018 | Đình Phúc Đại          | DH11CD   |        |       | 4          | 1          | 2          | 2.4            | ○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 3   | 12153036 | Hứa Thanh Chung        | DH12CD   |        |       | 9.7        | 3          | 3          | 5              | ○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩  | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 4   | 12153146 | Nguyễn Lý Thời         | DH12CD   |        |       | 4          | 3          | 0          | 1.8            | ○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦●⑨  |
| 5   | 12153172 | Nguyễn Cường           | DH12CD   |        |       | 4          | 4.5        | 2          | 3.1            | ○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 6   | 12153177 | Trần Quốc Khanh        | DH12CD   |        |       | 3.7        | 3.5        | 0          | 1.8            | ○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥⑦●⑨  |
| 7   | 13138052 | Tô Minh Đức            | DH13TD   | ✓      | ✓     |            |            |            |                | ●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 8   | 13138076 | Vô Minh Hòa            | DH13TD   |        |       | 6.7        | 1          | 1          | 2.7            | ○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥●⑧⑨  |
| 9   | 13138152 | Hoàng Xuân Phú         | DH13TD   |        |       | 6.7        | 2          | 2.5        | 3.7            | ○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥●⑧⑨  |
| 10  | 13138192 | Phạm Văn Thanh         | DH13TD   |        |       | 10         | 1          | 2          | 4.2            | ○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 11  | 13138238 | Ngô Vũ Minh Tuấn       | DH13TD   |        |       | 9.7        | 4          | 3          | 5.2            | ○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 12  | 13153001 | Nguyễn Văn Bá          | DH13CD   |        |       | 10         | 5          | 1          | 4.5            | ○○○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩ | ①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 13  | 13153004 | Trương Nguyễn Tiến Đạt | DH13CD   | ✓      | ✓     |            |            |            |                | ●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 14  | 13153006 | Nguyễn Tam Đức         | DH13CD   |        |       | 8.3        | 4          | 2.5        | 4.6            | ○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤●⑦⑧⑨  |
| 15  | 13153011 | Chu Văn Long           | DH13CD   | ✓      | ✓     |            |            |            |                | ●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩  | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |



Mã nhận dạng 05188



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Điện tử công suất (207510) - 001\_DH13CD\_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

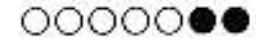
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>50 % | D2<br>10 % | D.Số<br>50% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|------------|------------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13153020 | Hồ Hoàng Tâm      | DH13CD  | ✓      | ✓     |            |            |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13153021 | Cao Thanh Tân     | DH13CD  | tan    |       | 6.7        | 1          | 2.5         | 3.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13153025 | Đặng Văn Thuyết   | DH13CD  | Huynh  |       | 10         | 3          | 0           | 3.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153042 | Tạ Văn Bình       | DH13CD  | lu     |       | 9.7        | 3          | 2           | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13153059 | Nguyễn Quốc Dũng  | DH13CD  | Quoc   |       | 9.7        | 4          | 1.5         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13153093 | Phùng Văn Hậu     | DH13CD  | Phu    |       | 5.7        | 4          | 4.5         | 4.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13153121 | Võ Thị Kim Hương  | DH13CD  | Huong  |       | 9.7        | 2          | 6           | 6.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13153122 | Mai Đức Hữu       | DH13CD  | Ma     |       | 6.7        | 4          | 3           | 4.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13153125 | Nguyễn Minh Khanh | DH13CD  | Minh   |       | 9.7        | 7          | 3           | 5.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13153186 | Trần Minh Quang   | DH13CD  | Quang  |       | 4.7        | 1          | 0           | 1.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13153261 | Trương Văn Tuy    | DH13CD  | Tuy    |       | 9.7        | 2          | 0           | 3.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13153269 | Võ Thành Văn      | DH13CD  | Thanh  |       | 10         | 5          | 1           | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 14138048 | Nguyễn Hữu Hải    | DH14TD  | Hai    |       | 7.7        | 3          | 3           | 4.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 14138098 | Huỳnh Quốc Thông  | DH14TD  | Thong  |       | 9.7        | 2          | 2           | 4.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 14153011 | Châu Khánh Đạt    | DH14CD  | Dat    |       | 9.7        | 6          | 3           | 5.6            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05188



Trang 3/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Điện tử công suất (207510) - 001\_DH13CD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD504

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên           | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 31  | 14153134 | Nguyễn Thanh Thuận | DH14CD  | ✓      | ✓     |         |         |      |                | ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số sinh viên dự thi: 26 Số sinh viên vắng: 5

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

  
Cao Đức Lập

  
Ngô Võ Ngọc Thạch

  
Bộ Môn

  
Nguyễn Đăng Khoa



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất (207510) - 001\_DH13CD\_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD103

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

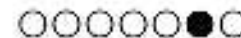
Trang 1

Lớp DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV             | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10 % | Đ2<br>10 % | Đ.Số<br>5% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12153037 | Nguyễn An Hoài           | DH12CD  |        |       | 0          | 2          | 0          | 0.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 12153140 | Vũ Văn Quốc              | DH12CD  |        |       | 8.7        | 5          | 3          | 5.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 13138232 | Trần Hữu Trọng           | DH13TD  | ✓      | ✓     |            |            |            |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 13153009 | Ngô Thanh Huy            | DH13CD  |        |       | 9.7        | 5          | 5          | 6.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 13153027 | Đào Hoàng Vinh           | DH13CD  |        |       | 10         | 1          | 2.5        | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 13153034 | Phạm Nhật Anh            | DH13CD  | ✓      | ✓     |            |            |            |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 13153054 | Lâm Thái Duy             | DH13CD  |        |       | 9          | 3.5        | 2          | 4.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 13153142 | Nguyễn Văn Lâm           | DH13CD  |        |       | 9          | 3          | 2.5        | 4.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 13153150 | Nguyễn Tiến Mạnh         | DH13CD  | ✓      | ✓     |            |            |            |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 13153172 | Nguyễn Tiến Phong        | DH13CD  | ✓      | ✓     |            |            |            |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 13153181 | Nguyễn Hoàng Phương      | DH13CD  |        |       | 9          | 4          | 0          | 3.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 13153223 | Trần Hữu Thọ             | DH13CD  |        |       | 9          | 2          | 2          | 4.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14138036 | Nguyễn Hữu Nguyên Chương | DH14TD  |        |       | 9.7        | 1          | 3          | 4.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 14138042 | Tô Đình Dân              | DH14TD  |        |       | 9.7        | 1          | 4          | 5.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14138072 | Nguyễn Vũ Nguyên         | DH14TD  |        |       | 9.7        | 6.5        | 8          | 8.2            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05189



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất (207510) - 001\_DH13CD\_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD103

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số<br>% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|---------|---------|-----------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14153016 | Trần Dương Hoàn | DH14CD  | ✓      | ✓     |         |         |           |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 14153019 | Cao Bá Kế       | DH14CD  | ✓      |       | 9.7     | 4       | 0         | 3.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 14153027 | Nguyễn Phan Lợi | DH14CD  | ✓      | ✓     |         |         |           |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 14153034 | Chế Thành Nghi  | DH14CD  | ✓      |       | 9.7     | 5       | 6.5       | 7.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 14153104 | Phan Thanh Nam  | DH14CD  | ✓      |       | 9.7     | 6       | 3.5       | 5.9            | 001234567890   | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi 14, Số sinh viên vắng: 6

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Lê Khắc Quý

Đặng Khắc Dũng

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 05190



Trang 2/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 001\_DH13TD\_1 2** Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 09/06/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD305 Giảng viên: Lê Văn Bào

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | Đ.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 13138020 | Trần Thanh Tuấn  | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13138021 | Trần Thanh Vĩnh  | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13138029 | Ngô Thế Chung    | DH13TD  |        | 1     |      |      | 7,5  | 8,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13138030 | Trần Huy Chương  | DH13TD  |        | 4     |      |      | 7,0  | 7,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13138031 | Lê Bá Công       | DH13TD  |        | 4     |      |      | 9,0  | 9,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13138033 | Dương Minh Cường | DH13TD  |        | 3     |      |      | 8,5  | 8,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13138042 | Quách Đình Dũng  | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,5  | 8,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13138047 | Ngô Viết Định    | DH13TD  |        | 4     |      |      | 9,0  | 9,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13138054 | Tổng Thị Thu Hà  | DH13TD  |        | 2     |      |      | 9,0  | 9,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13138058 | Cao Xuân Hải     | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,0  | 8,0         | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13138061 | Trần Minh Hải    | DH13TD  |        | 3     |      |      | 8,8  | 8,8         | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13138067 | Nguyễn Trung Hậu | DH13TD  |        | 1     |      |      | 9,15 | 9,2         | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13138073 | Phạm Trung Hiếu  | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,5  | 8,5         | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13138074 | Kiểu Viết Hiệp   | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13138083 | Nguyễn Đức Huy   | DH13TD  |        | 2     |      |      | 8,5  | 8,5         | 001234567890   | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Đo lường & Điều khiển bằng máy tính (207512) - 001\_DH13TD\_1** <sup>2</sup> Số Tín Ch 2

Ngày Thi **09/06/2016** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD305** Giảng viên: **Lê Văn Bạ**

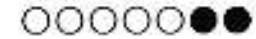
Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên          | Tổ điểm lẻ          |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|-------------------------|---------------------|
| 1   | 12138003 | Ngư Huy Hùng       | DH12TD  | ✓      |       |         |         | ✓    | ✓              | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 2   | 12138044 | Phạm Phúc Nha      | DH12TD  |        | 4     |         |         | 6,5  | 6,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 3   | 12138066 | Đặng Tiểu Long     | DH12TD  |        | 3     |         |         | 7,5  | 7,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 4   | 12138099 | Nguyễn Đình Thy    | DH12TD  |        | 4     |         |         | 7,5  | 7,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 5   | 12138122 | Nguyễn Thanh Mỹ    | DH12TD  |        | 3     |         |         | 6,8  | 6,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 6   | 12138126 | Nguyễn Duy Khương  | DH12TD  |        | 4     |         |         | 5,0  | 5,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 7   | 12138129 | Nguyễn Công Thuận  | DH12TD  |        | 4     |         |         | 5,8  | 5,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 8   | 12138130 | Phạm Việt Trung    | DH12TD  | ✓      | 3     |         |         | 5,0  | 5,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 9   | 12138131 | Lê Quang Ngọc      | DH12TD  |        | 4     |         |         | 6,5  | 6,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 10  | 13138001 | Hoàng Văn Dũng     | DH13TD  |        | 4     |         |         | 7,0  | 7,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 11  | 13138008 | Phan Xuân Liêm     | DH13TD  | ✓      |       |         |         | ✓    | ✓              | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩   | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 12  | 13138009 | Nguyễn Kim Hải     | DH13TD  |        | 4     |         |         | 7,0  | 7,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 13  | 13138011 | Trần Nhật Nghĩa    | DH13TD  |        | 4     |         |         | 8,5  | 8,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 14  | 13138015 | Vũ Bảo Quốc        | DH13TD  |        | 4     |         |         | 7,5  | 7,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 15  | 13138018 | Nguyễn Thanh Trung | DH13TD  |        | 2     |         |         | 8,5  | 8,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |



Mã nhận dạng 05190



Trang 3/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Đo lường &amp; Điều khiển bằng máy tính (207512) - 001\_DH13TD\_12 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD305 Giảng viên: Lê Văn Bân

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13138089 | Tô Văn Hưng      | DH13TD  | ✓      |       |         |         | ✓    | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 32  | 13138090 | Hà Văn Hương     | DH13TD  |        | 3     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 33  | 13138091 | Lâm Tấn Kha      | DH13TD  |        | 3     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 34  | 13138093 | Bùi Đức Khá      | DH13TD  |        | 4     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 35  | 13138099 | Cao Hoàng Lâm    | DH13TD  |        | 3     |         |         | 8.8  | 8.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 36  | 13138109 | Trần Hoài Linh   | DH13TD  |        | 2     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 37  | 13138112 | Đặng Thành Lợi   | DH13TD  |        | 1     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 38  | 13138118 | Nguyễn Văn Mẫn   | DH13TD  |        | 1     |         |         | 8.5  | 8.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 39  | 13138140 | Lê Thị Huỳnh Như | DH13TD  |        | 1     |         |         | 9.0  | 9.0            | 001234567890   | 0123456789 |

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Chị Hồng Xuân*

*Lê Văn Bân*

### Bảng Ghi Điểm Thi

### Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 002 DH13TD (2) Số Tin Ch 2

Ngày Thi: 09/06/2016      Giờ Thi: 07:00      Phòng Thi: RD202      Giảng viên: Lê Văn Ban

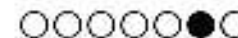
Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 1   | 13138168 | Bùi Công Quyền  | DH13TD  |        | 3     |      |      | 9,0  | 9,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13138174 | Trần Thị Sáng   | DH13TD  |        | 3     |      |      | 8,25 | 8,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13138178 | Ngô Quốc Sứ     | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,25 | 8,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13138181 | Phạm Văn Tâm    | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,0  | 8,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13138185 | Lê Duy Tân      | DH13TD  |        | 3     |      |      | 8,25 | 8,8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13138189 | Văn Thành Tân   | DH13TD  |        | 2     |      |      | 8,25 | 8,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13138190 | Trần Văn Tân    | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13138192 | Phạm Văn Thanh  | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13138195 | Hà Đình Thành   | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,0  | 8,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13138198 | Phan Tiến Thành | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,25 | 8,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13138200 | Lê Ngọc Thạch   | DH13TD  |        | 3     |      |      | 8,0  | 8,0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13138201 | Vân Thiên Thưng | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 13138205 | Vương Bảo Thế   | DH13TD  |        | 1     |      |      | 8,25 | 8,3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13138219 | Hồ Tiệp         | DH13TD  |        | 4     |      |      | 8,5  | 8,5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13138220 | Trương Tấn Tinh | DH13TD  | ✓      |       |      |      | ✓    | ✓           | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05191



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Đo lường & Điều khiển bằng máy tính (207512) - 002\_DH13TD\_12** Số Tín Ch **2**Ngày Thi **09/06/2016** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD202** Giảng viên: **Lê Văn Ban**Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138223 | Đinh Quốc Toàn     | DH13TD  |        | 2     |         |         | 8,0  | 8,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13138227 | Phạm Đình Trang    | DH13TD  |        | 3     |         |         | 9,0  | 9,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13138248 | Nguyễn Thanh Tú    | DH13TD  |        | 4     |         |         | 8,5  | 8,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13138249 | Nguyễn Khánh Tường | DH13TD  | ✓      |       |         |         | ✓    | ✓              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13138253 | Phạm Tiến Việt     | DH13TD  |        | 2     |         |         | 8,5  | 8,3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138254 | Phạm Văn Việt      | DH13TD  |        | 2     |         |         | 8,5  | 8,3            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Nguyễn Khánh Tường*  
*Phạm Văn Việt*

*Lê Văn Ban*

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PLC & ứng dụng (207516) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12138126 | Nguyễn Duy Khương  | DH12TD  |        |       | 9         | 9         | 45   | 6.8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 2   | 13138001 | Hoàng Văn Dũng     | DH13TD  |        |       | 9         | 9.25      | 6.5  | 7.8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 3   | 13138003 | Lương Đình Đồng    | DH13TD  |        |       |           |           | 30   | V              | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 4   | 13138006 | Đào Thanh Hữu      | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 30   | 6.0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 5   | 13138008 | Phan Xuân Liêm     | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 60   | 7.4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 6   | 13138009 | Nguyễn Kim Hải     | DH13TD  |        |       | 9         | 8.5       | 70   | 7.9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 7   | 13138011 | Trần Nhật Nghĩa    | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 8.5  | 8.8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 8   | 13138016 | Ngô Tất Sang       | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 5.5  | 7.3            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 9   | 13138018 | Nguyễn Thanh Trung | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 8.75 | 8.9            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 10  | 13138020 | Trần Thanh Tuấn    | DH13TD  |        |       | 9         | 9         | 30   | 6.0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 11  | 13138021 | Trần Thanh Vĩnh    | DH13TD  |        |       | 9         | 8.5       | 2.25 | 5.5            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 12  | 13138027 | Bùi Minh Bảo       | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 1.25 | 4.8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 13  | 13138029 | Ngô Thế Chung      | DH13TD  |        |       | 9         | 9.25      | 8.5  | 8.8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 14  | 13138030 | Trần Huy Chương    | DH13TD  |        |       | 9         | 9.5       | 6.0  | 7.7            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 15  | 13138031 | Lê Bá Công         | DH13TD  |        |       | 9         | 9.25      | 9.0  | 9.0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |



Mã nhận dạng 05194



Trang 2/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm PLC &amp; ứng dụng (207516) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp

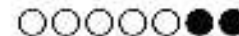
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138047 | Ngô Việt Định          | DH13TD  |        |       | 9       | 9.5     | 9.25 | 9.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13138052 | Tô Minh Đức            | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 4.25 | 6.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13138054 | Tổng Thị Thu           | DH13TD  |        |       | 9       | 9.25    | 9.5  | 9.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13138058 | Cao Xuân Hải           | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 7.5  | 8.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13138061 | Trần Minh Hải          | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 7.25 | 8.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138068 | Hoàng Minh Hiếu        | DH13TD  |        |       | 9       | 8       | 3.5  | 6.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 13138072 | Nguyễn Tự Hiếu         | DH13TD  |        |       | 9       | 9.5     | 8.0  | 8.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 13138073 | Phạm Trung Hiếu        | DH13TD  |        |       | 9       | 9.25    | 9.0  | 9.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 13138079 | Nguyễn Trần Minh Hoàng | DH13TD  |        |       | 9       | 8.5     | 4.5  | 6.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13138083 | Nguyễn Đức Huy         | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 6.0  | 7.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138085 | Hoàng Thanh Hùng       | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 6.25 | 7.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13138089 | Tô Văn Hưng            | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 0.0  | 4.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 13138090 | Hà Văn Hương           | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 7.25 | 8.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 13138091 | Lâm Tấn Kha            | DH13TD  |        |       | 9       | 9       | 7.25 | 8.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13138093 | Bùi Đức Khả            | DH13TD  |        |       | 9       | 9.5     | 6.0  | 7.7            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05194



Trang 3/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PLC &amp; ứng dụng (207516) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp

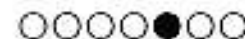
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>32 % | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|------------|------------|------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13138096 | Vò Anh Khoa        | DH13TD  |        |       | 9          | 8.75       | 5.5  | 7.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13138099 | Cao Hoàng Lâm      | DH13TD  |        |       | 9          | 8.25       | 6.5  | 7.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13138108 | Lê Quang Linh      | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 7.25 | 8.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13138109 | Trần Hoài Linh     | DH13TD  |        |       | 9          | 8.25       | 7.0  | 8.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13138116 | Võ Tấn Lý          | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 2.0  | 5.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 36  | 13138117 | Nguyễn Quốc Mạnh   | DH13TD  |        |       | 9          | 8          | 2.0  | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 37  | 13138118 | Nguyễn Văn Mến     | DH13TD  |        |       | 9          | 9.25       | 8.0  | 8.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 38  | 13138128 | Nguyễn Tiến Ngọc   | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 5.25 | 7.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 39  | 13138140 | Lê Thị Huỳnh Như   | DH13TD  |        |       | 9          | 8.25       | 9.0  | 9.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 40  | 13138141 | Nguyễn Huỳnh Nhung | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 4.75 | 6.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 41  | 13138148 | Phạm Khánh Phi     | DH13TD  |        |       | 9          | 8.5        | 2.5  | 5.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 42  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú     | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 8.0  | 8.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 43  | 13138154 | Huỳnh Văn Phúc     | DH13TD  |        |       | 9          | 9          | 2.5  | 5.75           | 0012345678910  | 0123456789 |
| 44  | 13138157 | Nguyễn Hồng Phúc   | DH13TD  |        |       | 9          | 8          | 2.0  | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 45  | 13138163 | Phạm Lưu Phước     | DH13TD  |        |       | 9          | 8          | 2.0  | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05194



Trang 4/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Số Tin Ch 3

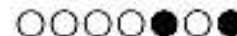
Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Trang 4

| STT | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên           | Tổ điểm lẻ          |
|-----|---------|---------|------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 1   |         | 8.75    | 1.0  | 5.0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   |         | 8       | 2.25 | 5.3            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   |         |         | 8.0  | 7              | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   |         | 9       | 8.0  | 8.5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   |         | 8.5     | 8.0  | 8.4            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   |         | 9       | 4.25 | 6.6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   |         | 9.25    | 8.0  | 8.6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   |         | 9.25    | 6.0  | 7.6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   |         | 9       | 6.5  | 7.8            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  |         | 9       | 6.25 | 7.6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  |         | 9       | 1.0  | 5.0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  |         | 9.25    | 4.0  | 6.6            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  |         | 8.5     | 1.0  | 4.9            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  |         | 9       | 6.5  | 7.8            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  |         | 8       | 1.0  | 4.7            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |



Mã nhận dạng 05194



Trang 5/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PLC &amp; ứng dụng (207516) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 5

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký                   | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------------------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 61  | 13138223 | Đinh Quốc Toàn    | DH13TD  | <i>Đinh Quốc Toàn</i>    |       | 9    | 9    | 3.5  | 6.3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 62  | 13138227 | Phạm Đình Trang   | DH13TD  | <i>Phạm Đình Trang</i>   |       | 9    | 9.25 | 6.0  | 7.6         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 63  | 13138229 | Mai Minh Trí      | DH13TD  | <i>Mai Minh Trí</i>      |       | 9    | 9    | 6.0  | 6.5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 64  | 13138234 | Nguyễn Phan Hải   | DH13TD  | <i>Nguyễn Phan Hải</i>   |       | 9    | 9.5  | 5.75 | 7.5         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 65  | 13138238 | Ngô Vũ Minh Tuấn  | DH13TD  | <i>Ngô Vũ Minh Tuấn</i>  |       | 9    | 8.25 | 7.0  | 7.8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 66  | 13138248 | Nguyễn Thanh Tú   | DH13TD  | <i>Nguyễn Thanh Tú</i>   |       | 9    | 9    | 2.25 | 5.6         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 67  | 13138251 | Đỗ Ngọc Việt      | DH13TD  |                          |       |      |      |      | ✓           | 0012345678910  | 0123456789 |
| 68  | 13138253 | Phạm Tiến Việt    | DH13TD  | <i>Phạm Tiến Việt</i>    |       | 9    | 8.25 | 3.5  | 6.0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 69  | 13138260 | Hoàng Đức Lương   | DH13TD  | <i>Hoàng Đức Lương</i>   |       | 9    | 9    | 3.25 | 6.1         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 70  | 13138261 | Nguyễn Trung Hiếu | DH13TD  | <i>Nguyễn Trung Hiếu</i> |       | 9    | 8.5  | 9.25 | 9.0         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 71  | 13138263 | Hạp Tiến Hoàng    | DH13TD  | <i>Hạp Tiến Hoàng</i>    |       | 9    | 9.25 | 7.5  | 8.3         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 72  | 13153059 | Nguyễn Quốc Dũng  | DH13CD  | <i>Nguyễn Quốc Dũng</i>  |       | 9    | 8.25 | 4.25 | 6.4         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 73  | 13153125 | Nguyễn Minh Khanh | DH13CD  | <i>Nguyễn Minh Khanh</i> |       | 9    | 8.25 | 5.75 | 7.2         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 74  | 13153269 | Vô Thành Văn      | DH13CD  | <i>Vô Thành Văn</i>      |       | 9    | 8.25 | 4.5  | 6.5         | 0012345678910  | 0123456789 |

|   |              |
|---|--------------|
|   | 8            |
| ③ | 7 8 9        |
| ④ | 7 8 9        |
| ⑤ | 7 8 9        |
| ⑥ | 7 <b>8</b> 9 |
| ⑦ | 7 8 9        |
| ⑧ | 7 8 9        |
| ⑨ | 7 8 9        |
| ⑩ | 7 8 9        |
| ⑪ | 7 <b>8</b> 9 |
| ⑫ | 7 8 9        |
| ⑬ | 7 8 9        |
| ⑭ | 7 <b>8</b> 9 |
| ⑮ | 7 8 9        |
| ⑯ | 7 8 9        |
| ⑰ | 7 <b>8</b> 9 |
| ⑱ | 7 8 9        |
| ⑲ | 7 8 9        |
| ⑳ | 7 8 9        |



## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT (207522) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|----------------|--------|--------|-------|---------|---------|-------------|----------------|------------------|------------|
| 19  | 12138134 | Võ Đình Trương | DH12TD |        | 1     |         |         | 6,5         | 6,5            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 20  | 12149092 | Hoàng Văn Việt | DH12TD |        | 4     |         |         | 8,5         | 8,5            | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Khoa/Bộ môn

Lê Văn Bận

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT (207522) - 03

CBGD: Lê Văn Bận (313)

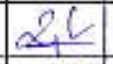
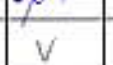
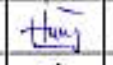
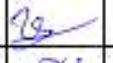
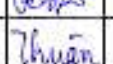
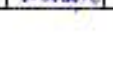
| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|--------|--------|-------|------|------|----------|-------------|------------------|------------|
| 1   | 12138002 | Lê Đức Duy             | DH12TD | ✓      |       |      |      | 6,0      | 6,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 2   | 12138007 | Võ Quốc Vinh           | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 2,5      | 2,5         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 3   | 12138042 | Hoàng Phi Hùng         | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 7,25     | 7,8         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 4   | 12138049 | Nguyễn Trọng Hoàn      | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 5   | 12138068 | Lê Hoàng Đú            | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 5,0      | 5,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 6   | 12138069 | Nguyễn Bá Lộc          | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 7   | 12138071 | Trần Vũ Nam Kha        | DH12TD | ✓      | 4     |      |      | 8,15     | 8,3         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 8   | 12138075 | Nguyễn Huy Minh        | DH12TD | ✓      | 2     |      |      | 6,5      | 6,5         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 9   | 12138098 | Phan Huy Hoàng         | DH12TD | ✓      | 1     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 10  | 12138104 | Phạm Văn Tuấn          | DH12TD | ✓      | 4     |      |      | 6,0      | 6,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 11  | 12138123 | Nguyễn Tấn Nghiêm      | DH12TD | ✓      | 4     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 12  | 12138127 | Phan Thanh Qui         | DH12TD | ✓      |       |      | ✓    | ✓        | ✓           | ●○○12345678910   | 0123456789 |
| 13  | 13138050 | Hồ Anh Đức             | DH13TD | ✓      | 4     |      |      | 8,5      | 8,5         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 14  | 13138141 | Nguyễn Huỳnh Như       | DH13TD | ✓      | 1     |      |      | 8,5      | 8,5         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 15  | 13138153 | Huỳnh Hoàng Phú        | DH13TD | ✓      | 2     |      |      | 7,25     | 7,8         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 16  | 13138154 | Huỳnh Văn Phúc         | DH13TD | ✓      | 2     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 17  | 13138206 | Nguyễn Hoàng Thi       | DH13TD | ✓      | 1     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |
| 18  | 13138234 | Nguyễn Phan Hải Trường | DH13TD | ✓      | 2     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | 0123456789 |

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT (207522) - 04

CBGD: Lê Văn Bận (313)

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV            | Mã lớp | Chữ ký                                                                              | Số tờ | Đ1 % | Đ2 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|------|----------|-------------|------------------|------------|
| 1   | 12138001 | Nguyễn Trường Chính     | DH12TD |    | 3     |      |      | 5,8      | 5,8         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩     | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 2   | 12138003 | Ngư Huy Hùng            | DH12TD | ✓                                                                                   |       |      |      | ✓        | ✓           | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 3   | 12138004 | Huỳnh Quỳnh             | DH12TD |    | 3     |      |      | 9,2      | 9,2         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 4   | 12138006 | Nguyễn Hoàng Việt       | DH12TD |    | 4     |      |      | 7,8      | 7,8         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 5   | 12138008 | Trần Lê Tuấn Vũ         | DH12TD |    | 1     |      |      | 8,3      | 8,3         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 6   | 12138011 | Ngô Nhật Anh            | DH12TD |    | 2     |      |      | 7,8      | 7,8         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 7   | 12138027 | Lương Thế Anh           | DH12TD |    | 4     |      |      | 5,5      | 5,5         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 8   | 12138034 | Nguyễn Đình Hoàng Dương | DH12TD | ✓                                                                                   |       |      |      | ✓        | ✓           | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 9   | 12138044 | Phạm Phúc Nha           | DH12TD | ✓                                                                                   |       |      |      | ✓        | ✓           | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 10  | 12138053 | Vũ Quang Hùng           | DH12TD |    | 2     |      |      | 7,3      | 7,3         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 11  | 12138066 | Dặng Tiểu Long          | DH12TD |   | 2     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 12  | 12138090 | Nguyễn Ngọc Quỳnh       | DH12TD |  | 1     |      |      | 6,5      | 6,5         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 13  | 12138099 | Nguyễn Đình Thy         | DH12TD | ✓                                                                                   |       |      |      | ✓        | ✓           | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 14  | 12138103 | Phạm Văn Trường         | DH12TD |  | 4     |      |      | 5,0      | 5,0         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 15  | 12138118 | Dương Hồng Linh         | DH12TD |  | 2     |      |      | 8,8      | 8,8         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 16  | 12138122 | Nguyễn Thanh Mỹ         | DH12TD |  | 3     |      |      | 5,8      | 5,8         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 17  | 12138126 | Nguyễn Duy Khương       | DH12TD |  | 2     |      |      | 7,1      | 7,1         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |
| 18  | 12138129 | Nguyễn Công Thuận       | DH12TD |  | 2     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩      | ①②③④⑤⑥⑦⑧⑨  |

## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ĐK-LT giao tiếp MT (207522) - 04

CBGD: Lê Văn Bận (313)

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Mã lớp | Chữ ký                                                                            | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Điểm phần nguyên         | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|-----------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|---------|-------------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 19  | 12138130 | Phạm Việt Trung | DH12TD |  | 2     |         |         | 7,5         | 7,5            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 20  | 12138131 | Lê Quang Ngọc   | DH12TD |  | 4     |         |         | 5,0         | 5,0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

  
Nguyễn Văn Duyệt

  
Lê Văn Bận

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13CD\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

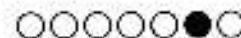
Lớp DH10CD (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Cơ - Điện tử-2010)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>20% | Đ.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 10153055 | Đoàn Anh Duy        | DH10CD  | ✓      | ✓     |           |           |             |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 11153027 | Bùi Công Nam        | DH11CD  | ✓      |       | 6         | 0         | 4           | 2,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 12153002 | Nguyễn Tuấn Chính   | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 4           | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 12153028 | Dương Gia Bảo       | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 7           | 7,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 12153036 | Hứa Thanh Chung     | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 3           | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 12153039 | Lương Hoàng Chương  | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 4           | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 12153043 | Hồ Thành Danh       | DH12CD  | ✓      |       | 6         | 5         | 3           | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 12153070 | Võ Hiền Quân        | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 5           | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 12153114 | Nguyễn Hoài Nhàn    | DH12CD  | ✓      |       | 6         | 5         | 5           | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 12153131 | Nguyễn Ngọc Tài     | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 6           | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 12153140 | Võ Văn Quốc Anh     | DH12CD  | ✓      |       | 8         | 9         | 4           | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 12153146 | Nguyễn Lý Thái      | DH12CD  | ✓      |       | 6         | 5         | 4           | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 12153168 | Phan Phụng Hiệp     | DH12CD  | ✓      |       | 6         | 5         | 5           | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13138008 | Phan Xuân Liêm      | DH13TD  | ✓      |       | 7         | 8         | 9           | 8,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13138009 | Nguyễn Kim Hải Long | DH13TD  | ✓      |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05195



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13CD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp

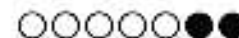
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>20% | Đ.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138051 | Ngô Lộc Trường Đức | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 6           | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13138076 | Vô Minh Hòa        | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13138080 | Huỳnh Lê Phúc Hòa  | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 6           | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13138103 | Nguyễn Đình Lân    | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 5           | 5,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13138168 | Bùi Công Quyền     | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 5           | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13138171 | Lê Tuấn Sang       | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 3           | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13138198 | Phan Tiến Thành    | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 3           | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13138199 | Trịnh Việt Thành   | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 1           | 3,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13138206 | Nguyễn Hoàng Thi   | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 4           | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13138211 | Tổng Trần Thông    | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13138231 | Lê Minh Trọng      | DH13TD  |        |       | 7         | 6         | 3           | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13138238 | Ngô Vũ Minh Tuấn   | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 9           | 8,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13153001 | Nguyễn Văn Bá      | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 7           | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13153007 | Phạm Tiến Đức      | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13153011 | Chu Văn Long       | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 1           | 3,2            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05195



Trang 3/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13CD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trung 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>30% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên           | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|------------------|---------|---------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 31  | 13153016 | Nguyễn Minh Ngọc | DH13CD  | <i>Ngoc</i>   |       | 7         | 6         | 6           | 2,6            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 32  | 13153025 | Đặng Văn Thuyết  | DH13CD  | <i>Thuyet</i> |       | 5         | 5         | 5           | 5,0            | 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số sinh viên dự thi: 31. Số sinh viên vắng: 01.

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Phạm Duy Lâm**Nguyễn Thị Hồng Diệp**Trần Thị Kim Nga**Trần Thị Kim Nga*

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 002\_DH13CD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>20% | Đ.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên             | Tổ điểm l6            |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------------------|-----------------------|
| 1   | 13153028 | Ngô Tấn Vinh     | DH13CD  | Vinh   |       | 7         | 7         | 1           | 3,4            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 13153042 | Tạ Văn Bình      | DH13CD  | Binh   |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 13153045 | Trần Đức Cánh    | DH13CD  | Canh   |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   | 13153054 | Lâm Thái Duy     | DH13CD  | Duy    |       | 7         | 8         | 6           | 6,6            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 13153061 | Trần Đại Dương   | DH13CD  | Duong  |       | 6         | 7         | 6           | 6,2            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 13153063 | Trần Văn Dương   | DH13CD  | Duong  |       | 5         | 5         | 3           | 3,8            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 13153074 | K"               | DH13CD  | V      |       |           |           |             |                | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 13153092 | Lê Quang Hậu     | DH13CD  | Hau    |       | 7         | 7         | 2           | 4,0            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 13153093 | Phóng Văn Hậu    | DH13CD  | Hau    |       | 6         | 7         | 2           | 3,8            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 13153103 | Nguyễn Đông Hoài | DH13CD  | V      |       |           |           |             |                | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 13153106 | Nguyễn Huy Hoàng | DH13CD  | Huong  |       | 5         | 5         | 10          | 8,0            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 13153108 | Bàn Thế Hồng     | DH13CD  | Hong   |       | 6         | 7         | 0           | 2,6            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 13153109 | Nguyễn Tấn Hồng  | DH13CD  | Hong   |       | 6         | 7         | 4           | 5,0            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 13153110 | Đuân Đức Huy     | DH13CD  | Huy    |       | 6         | 7         | 10          | 8,6            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 13153111 | Đỗ Ngọc Quốc Huy | DH13CD  | Huy    |       | 5         | 5         | 9           | 7,4            | ○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |



Mã nhận dạng 05196



Trang 2/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tin liệu số (207525) - 002\_DH13CD\_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13153119 | Nguyễn Văn Hưng     | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13153121 | Võ Thị Kim Hương    | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 5           | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13153122 | Mai Đức Hữu         | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153150 | Nguyễn Tiến Mạnh    | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 3           | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13153152 | Đặng Hoàng Nam      | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 1           | 3,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13153161 | Cao Đình Nguyễn     | DH13CD  | ✓      |       |           |           |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13153172 | Nguyễn Tiến Phong   | DH13CD  | ✓      |       |           |           |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13153173 | Nguyễn Văn Phong    | DH13CD  |        |       | 5         | 5         | 2           | 3,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13153186 | Trần Minh Quang     | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 2           | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13153196 | Thân Văn Quyết      | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 4           | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13153211 | Huỳnh Võ Minh Thắng | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 3           | 4,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13153216 | Lê Bửu Thi          | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13153229 | Lê Quyết Tiến       | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13153240 | Nguyễn Công Triển   | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 2           | 3,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13153260 | Nguyễn Huy Tuệ      | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 3           | 4,6            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05196



Trang 3/3

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 002\_DH13CD\_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D. Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|--------------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13153261 | Trương Văn Tuy     | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 2            | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13153269 | Võ Thành Văn       | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 4            | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13153283 | Võ Quốc Danh       | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 7            | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13153285 | Nguyễn Quang Trung | DH13CD  |        |       | 6         | 7         | 8            | 7,4            | 0012345678910  | 0123456789 |

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Số sinh viên dự thi: 30 Số sinh viên vắng: 6,4

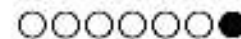
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13CD\_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: RD302

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp: DH09CD17 (Đại học Chính quy (Tin chỉ)-Cơ điện tử-2009)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Tên Lớp  | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|----------------------|----------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 09153068 | Lê Hoài Phong        | DH09CD17 |        |       |           |           |             |                | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 13138006 | Đào Thanh Hữu        | DH13TD   |        |       | 8         | 8         | 2           | 4,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 13138015 | Vũ Bảo Quốc          | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 5           | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 13138021 | Trần Thanh Vĩnh      | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 4           | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 13138050 | Hồ Anh Đức           | DH13TD   |        |       | 6         | 6         | 5           | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 13138096 | Vũ Anh Khoa          | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 7           | 7,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 13138148 | Phạm Khánh Phi       | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 4           | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 13138166 | Ngô Nguyễn Minh Quân | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 5           | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13138175 | Bùi Thái Sơn         | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 7           | 7,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 13138229 | Mai Minh Trí         | DH13TD   |        |       | 8         | 7         | 9           | 8,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 13153002 | Kim Thanh Bạch       | DH13CD   |        |       | 8         | 9         | 6           | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 13153005 | Đặng Hữu Đức         | DH13CD   |        |       | 8         | 9         | 7           | 7,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 13153009 | Ngô Thanh Huy        | DH13CD   |        |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 13153010 | Nguyễn Anh Khôi      | DH13CD   |        |       | 7         | 7         | 7           | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 13153014 | Trịnh Đình Minh      | DH13CD   |        |       | 8         | 8         | 8           | 8,0            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05197



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xứ lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13CD\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13153015 | Chu Hoài Nam      | DH13CD  | Nam    |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 13153017 | Hồ Văn Quang      | DH13CD  | Quang  |       | 8         | 7         | 2           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 13153019 | Phan Văn Sinh     | DH13CD  | Sinh   |       | 7         | 7         | 9           | 8,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 13153020 | Hồ Hoàng Tấn      | DH13CD  |        |       |           |           |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 13153024 | Lê Văn Thuận      | DH13CD  |        |       |           |           |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 13153026 | Phạm Lâm Anh Tuấn | DH13CD  | Tuấn   |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 13153027 | Đào Hoàng Vinh    | DH13CD  | Vinh   |       | 7         | 8         | 9           | 8,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 13153036 | Nguyễn Xuân ất    | DH13CD  | ất     |       | 8         | 8         | 9           | 8,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 13153038 | Thái Quang Bảo    | DH13CD  | Bảo    |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 13153043 | Phan Ngọc Cao     | DH13CD  | Cao    |       | 7         | 7         | 10          | 8,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 13153046 | Huỳnh Công Chính  | DH13CD  | Chính  |       | 8         | 8         | 7           | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 13153059 | Nguyễn Quốc Dũng  | DH13CD  | Dũng   |       | 7         | 8         | 9           | 8,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 13153073 | Nguyễn Văn Dâu    | DH13CD  | Dâu    |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 13153078 | Trương Công Định  | DH13CD  | Định   |       | 7         | 8         | 6           | 6,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 13153084 | Nguyễn Trúc Giang | DH13CD  | Giang  |       | 8         | 8         | 7           | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm **Xử lý tín hiệu số (207525) - 002\_DH13CD\_02**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

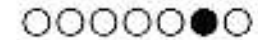
Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên          | Tổ điểm lẻ        |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|-------------------------|-------------------|
| 1   | 13153086 | Dương Minh Hào         | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 6           | 6,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 2   | 13153104 | Hà Lý Gia Hoàng        | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 3   | 13153114 | Nguyễn Huỳnh Quang Huy | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 4   | 13153115 | Nguyễn Phúc Huy        | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 8           | 8,6            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 5   | 13153120 | Trương Ngọc Hưng       | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 6   | 13153123 | Trần Minh Khu          | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 7   | 13153124 | Nguyễn Trọng Khang     | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 8   | 13153125 | Nguyễn Minh Khanh      | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 9   | 13153127 | Phạm Quốc Khánh        | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 6           | 6,6            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 10  | 13153128 | Nguyễn Đăng Khoa       | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 11  | 13153129 | Nguyễn Đình Đăng Khoa  | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 6           | 6,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 12  | 13153136 | Nguyễn Nhật King       | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 13  | 13153138 | Trần Quang Kỳ          | DH13CD  |        |       |           |           |             |                | ● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 14  | 13153142 | Nguyễn Văn Lâm         | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 15  | 13153144 | Trương Văn Lê          | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 6           | 9,2            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |



Mã nhận dạng 05198



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Xử lý tin hiệu số (207525) - 002\_DH13CD\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

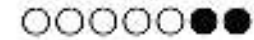
DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lè |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13153146 | Trần Tấn Lợi           | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 9           | 8,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 17  | 13153147 | Vô Thành Luân          | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 7           | 7,0            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 18  | 13153164 | Lưu Ngọc Nhân          | DH13CD  |        |       | 8         | 7         | 1           | 3,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 19  | 13153165 | Nguyễn Thành Nhân      | DH13CD  |        |       | 8         | 7         | 6           | 6,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 20  | 13153166 | Phan Thành Nhân        | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 4           | 5,2            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 21  | 13153168 | Nguyễn Hoàng Minh Nhật | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 4           | 5,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 22  | 13153181 | Nguyễn Hoàng Phương    | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 23  | 13153191 | Lê Trọng Quốc          | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 24  | 13153206 | Nguyễn Hà Tấn          | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 3           | 5,0            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 25  | 13153213 | Nguyễn Hồng Thắng      | DH13CD  |        |       | 7         | 7         | 9           | 8,2            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 26  | 13153215 | Hàn Văn Thi            | DH13CD  |        |       | 8         | 9         | 7           | 7,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 27  | 13153222 | Trương Phi Thoàn       | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 5           | 6,2            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 28  | 13153223 | Trần Hữu Thọ           | DH13CD  |        |       | 8         | 9         | 2           | 4,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 29  | 13153224 | Lê Tự Quốc Thông       | DH13CD  |        |       | 8         | 9         | 2           | 4,6            | 0001234567890  | 0123456789 |
| 30  | 13153232 | Nguyễn Thành Tiến      | DH13CD  |        |       | 8         | 8         | 6           | 6,8            | 0001234567890  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05198



Trang 3/3

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 002\_DH13CD\_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV  | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>20% | Đ.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ  |
|-----|----------|---------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|-------------|
| 31  | 13153238 | Mai Thanh     | Tinh    | DH13CD |       | 7         | 8         | 1           | 3,6            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 32  | 13153244 | Nguyễn Thanh  | Tri     | DH13CD |       | 8         | 7         | 3           | 4,8            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 33  | 13153245 | Nguyễn Tiến   | Trung   | DH13CD |       | 8         | 7         | 5           | 6,0            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 34  | 13153247 | Đinh Mạnh     | Trường  | DH13CD |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 35  | 13153255 | Lê Ngọc Triệu | Tuấn    | DH13CD |       | 8         | 7         | 2           | 4,2            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 36  | 13153256 | Lê Xuân       | Tuấn    | DH13CD |       | 8         | 9         | 7           | 7,6            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 37  | 13153259 | Trần Thanh    | Tuấn    | DH13CD |       | 7         | 8         | 8           | 7,8            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 38  | 13153275 | Lê Văn        | Vũ      | DH13CD |       | 8         | 7         | 8           | 7,8            | 00012345678910 | 00123456789 |
| 39  | 13153280 | Lương Trung   | Vượng   | DH13CD |       | 8         | 9         | 5           | 6,4            | 00012345678910 | 00123456789 |

Số sinh viên dự thi: 38 Số sinh viên vắng: 02

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Chủ bộ coi thi 1

Chủ bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Phạm Quang Thắng

Đặng Kiều Diệu

Trần Thị Kim Nga

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xứ lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

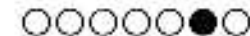
DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trung I

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký       | Số từ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 12153160 | Phạm Văn Viện      | DH12CD  | <i>Vien</i>  |       | 7         | 7         | 4           | 5,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 2   | 13138001 | Hoàng Văn Dũng     | DH13TD  | <i>Dung</i>  |       | 8         | 9         | 8           | 8,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 3   | 13138002 | Trương Quang Đại   | DH13TD  | <i>Day</i>   |       | 6         | 6         | 4           | 4,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 4   | 13138005 | Đậu Việt Hùng      | DH13TD  | <i>Hung</i>  |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 5   | 13138010 | Nguyễn Ngọc Nam    | DH13TD  | <i>Nam</i>   |       | 7         | 7         | 2           | 4,0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 6   | 13138011 | Trần Nhật Nghĩa    | DH13TD  | <i>Nghia</i> |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 7   | 13138016 | Ngô Tất Sung       | DH13TD  | <i>Sung</i>  |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 8   | 13138018 | Nguyễn Thanh Trung | DH13TD  | <i>Trung</i> |       | 7         | 8         | 5           | 6,0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 9   | 13138020 | Trần Thanh Tuấn    | DH13TD  | <i>Tuan</i>  |       | 0         | 0         | 4           | 2,4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 10  | 13138022 | Ngô Quốc Vương     | DH13TD  | <i>Vuong</i> |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 11  | 13138027 | Bùi Minh Bảo       | DH13TD  | <i>Bao</i>   |       | 7         | 7         | 4           | 5,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 12  | 13138029 | Ngô Thế Chung      | DH13TD  | <i>Chung</i> |       | 9         | 8         | 6           | 7,0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 13  | 13138031 | Lê Bá Công         | DH13TD  | <i>Cong</i>  |       | 7         | 7         | 7           | 7,0            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 14  | 13138033 | Dương Minh Cường   | DH13TD  | <i>Cuong</i> |       | 7         | 7         | 9           | 8,2            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 15  | 13138047 | Ngô Việt Định      | DH13TD  | <i> Dinh</i> |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |



Mã nhận dạng 05199



Trang 2/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xứ lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp

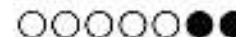
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D3<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lư |
|-----|----------|------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-----------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 13138054 | Tổng Thị Thu Hà  | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 6         | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 13138058 | Cao Xuân Hải     | DH13TD  |        |       | 6         | 7         | 7         | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 13138060 | Phan Hồng Hải    | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 6         | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 13138061 | Trần Minh Hải    | DH13TD  |        |       | 6         | 7         | 6         | 6,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 13138067 | Nguyễn Trung Hậu | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 9         | 8,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 13138068 | Hoàng Minh Hiếu  | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 4         | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 13138073 | Phạm Trung Hiếu  | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 7         | 7,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 13138085 | Hoàng Thanh Hùng | DH13TD  |        |       | 6         | 7         | 4         | 5,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 13138090 | Hà Văn Hương     | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 4         | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 13138091 | Lâm Tấn Kha      | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 8         | 8,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 13138093 | Bùi Đức Khả      | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 8         | 8,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 27  | 13138097 | Trần Tiến Khôi   | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 4         | 5,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 28  | 13138099 | Cao Hoàng Lâm    | DH13TD  |        |       | 6         | 6         | 7         | 6,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 29  | 13138108 | Lê Quang Linh    | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 6         | 6,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 30  | 13138109 | Trần Hoài Linh   | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 7         | 7,2            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05199



Trang 3/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13TD\_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

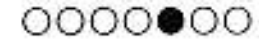
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 31  | 13138112 | Đặng Thành Lợi     | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 5           | 6,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 32  | 13138116 | Võ Tấn Lý          | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 3           | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 33  | 13138118 | Nguyễn Văn Mến     | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 8           | 8,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 34  | 13138128 | Nguyễn Tiến Ngọc   | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 3           | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 35  | 13138136 | Ninh Quang Nhật    | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 36  | 13138140 | Lê Thị Huỳnh Như   | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 9           | 8,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 37  | 13138141 | Nguyễn Huỳnh Nhung | DH13TD  |        |       | 6         | 6         | 3           | 4,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 38  | 13138152 | Hoàng Xuân Phú     | DH13TD  |        |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 39  | 13138153 | Huỳnh Hoàng Phú    | DH13TD  |        |       | 6         | 6         | 4           | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 40  | 13138154 | Huỳnh Văn Phúc     | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 3           | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 41  | 13138156 | Nguyễn Hồng Phúc   | DH13TD  |        |       | 0         | 0         | 1           | 0,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 42  | 13138157 | Nguyễn Hồng Phúc   | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 4           | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 43  | 13138165 | Mai Hồng Quân      | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 2           | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 44  | 13138172 | Nguyễn Văn Sang    | DH13TD  |        |       | 6         | 6         | 2           | 3,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 45  | 13138174 | Trần Thị Sáng      | DH13TD  |        |       | 8         | 9         | 3           | 5,2            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05199



Trang 4/6

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Xếp tỷ tín hiệu số (207525) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

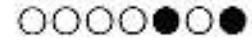
DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | Đ1<br>20% | Đ2<br>20% | Đ.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|---------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 46  | 13138178 | Ngô Quốc Sứ        | DH13TD  | <i>Ngô</i>    |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 47  | 13138181 | Phạm Văn Tâm       | DH13TD  | <i>Phạm</i>   |       | 6         | 6         | 3           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 48  | 13138189 | Văn Thành Tân      | DH13TD  | <i>Văn</i>    |       | 7         | 8         | 8           | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 49  | 13138190 | Trần Văn Tân       | DH13TD  | <i>Trần</i>   |       | 0         | 0         | 2           | 1,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 50  | 13138200 | Lê Ngọc Thạch      | DH13TD  | <i>Lê</i>     |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 51  | 13138201 | Vân Thiên Thăng    | DH13TD  | <i>Vân</i>    |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 52  | 13138205 | Vương Bảo Thê      | DH13TD  | <i>Vương</i>  |       | 7         | 8         | 2           | 4,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 53  | 13138210 | Trương Văn Thoại   | DH13TD  | <i>Trương</i> |       | 7         | 7         | 6           | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 54  | 13138220 | Trương Tấn Tinh    | DH13TD  | <i>Trương</i> |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 55  | 13138223 | Dinh Quốc Toàn     | DH13TD  | <i>Dinh</i>   |       | 6         | 7         | 4           | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 56  | 13138240 | Phạm Anh Tuấn      | DH13TD  | <i>Phạm</i>   |       | 7         | 7         | 3           | 4,6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 57  | 13138248 | Nguyễn Thanh Tú    | DH13TD  | <i>Nguyễn</i> |       | 7         | 7         | 5           | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 58  | 13138249 | Nguyễn Khánh Tường | DH13TD  | <i>Nguyễn</i> |       | 6         | 7         | 7           | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 59  | 13138251 | Đỗ Ngọc Việt       | DH13TD  | ✓             | ✓     |           |           |             |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 60  | 13138253 | Phạm Tiến Việt     | DH13TD  | <i>Việt</i>   |       | 7         | 8         | 4           | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05199



Trang 5/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 5

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>20% | D2<br>20% | D.Số<br>60% | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|------------------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 61  | 13138254 | Phạm Văn Việt          | DH13TD  |        |       | 6         | 7         | 4           | 5,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 62  | 13138255 | Phùng Anh VT           | DH13TD  |        |       | 7         | 7         | 2           | 4,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 63  | 13138260 | Hoàng Đức Lương        | DH13TD  |        |       | 6         | 7         | 5           | 5,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 64  | 13138261 | Nguyễn Trung Hiếu      | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 6           | 7,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 65  | 13138263 | Hạp Tiến Hoàng         | DH13TD  |        |       | 9         | 8         | 2           | 4,6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 66  | 13153004 | Trương Nguyễn Tiến Đạt | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 2           | 4,4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 67  | 13153006 | Nguyễn Tam Đức         | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 1           | 3,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 68  | 13153012 | Nguyễn Hữu Lộc         | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 6           | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 69  | 13153018 | Diệp Chí Quân          | DH13CD  |        |       | 7         | 8         | 3           | 4,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 70  | 13153021 | Cao Thanh Tân          | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 8           | 8,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 71  | 13153044 | Lê Văn Cảnh            | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 8           | 8,0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 72  | 13153068 | Mai Quốc Đạt           | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 6           | 6,8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 73  | 13153202 | Nguyễn Tấn Sỹ          | DH13CD  |        |       | 7         | 9         | 8           | 8,0            | 0012345678910  | 0123456789 |

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ sở kỹ thuật điều khiển TĐ (207526) - 001\_DH12TD\_01

Số Tín Ch 4

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

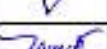
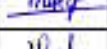
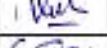
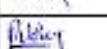
Phòng Thi HD204

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

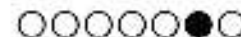
DH08TD17 (Đại học Chính quy (Tín chỉ)-Điều khiển tự động-2008)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV            | Tên Lớp  | Chữ ký                                                                              | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên          | Tổ điểm lẻ          |
|-----|----------|-------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|---------|------|----------------|-------------------------|---------------------|
| 1   | 08138009 | Nguyễn Thành Nam        | DH08TD17 |    |       |         | V       | V    | V              | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 2   | 10138053 | Nguyễn Văn Vương        | DH10TD   |    |       |         | 1,5     | 2,5  | 2,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 3   | 10138055 | Nguyễn Lê Bằng          | DH10TD   |    |       |         | 2,5     | 2,5  | 2,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 4   | 10138059 | Lê Văn Hùng             | DH10TD   |    |       |         | 1,5     | 2,5  | 2,0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 5   | 12138001 | Nguyễn Trường Chính     | DH12TD   |    |       |         | 6,1     | 6,7  | 6,4            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 6   | 12138003 | Ngư Huy Hùng            | DH12TD   |    |       |         | V       | V    | V              | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 7   | 12138005 | Lê Thành Trung          | DH12TD   |    |       |         | 8,5     | 8,7  | 8,6            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 8   | 12138006 | Nguyễn Hoàng Việt       | DH12TD   |    |       |         | 7,2     | 7,3  | 7,3            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 9   | 12138008 | Trần Lê Tuấn Vũ         | DH12TD   |   |       |         | 6,4     | 7,2  | 6,8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 10  | 12138009 | Ngô Hoàng Anh           | DH12TD   |  |       |         | 5,0     | 5,2  | 5,1            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 11  | 12138010 | Trần Đức Anh            | DH12TD   |  |       |         | 7,5     | 7,9  | 7,7            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 12  | 12138011 | Ngô Nhật Anh            | DH12TD   |  |       |         | 6,3     | 6,7  | 6,6            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 13  | 12138034 | Nguyễn Đình Hoàng Dương | DH12TD   |  |       |         | 6,5     | 6,5  | 6,5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 14  | 12138035 | Phan Tiến Đạt           | DH12TD   |  |       |         | 8,0     | 8,6  | 8,3            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 15  | 12138053 | Vũ Quang Hùng           | DH12TD   |  |       |         | V       | V    | V              | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |



Mã nhận dạng 05200



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ sở kỹ thuật điều khiển TD (207526) - 001\_DHI2TD\_01

Số Tin Ch 4

Ngày Thi 13/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD204

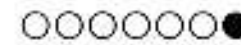
Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DHI2TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|---------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 12138055 | Huỳnh Tấn Hưng    | DHI2TD  | <i>Hung</i>   |       |         | 5,7     | 6,0  | 5,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 12138071 | Trần Vũ Nam Kha   | DHI2TD  | <i>Blue</i>   |       |         | 6,7     | 7,0  | 6,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 12138072 | Dương Văn Lộc     | DHI2TD  | <i>Loc</i>    |       |         | 6,3     | 6,5  | 6,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 12138083 | Bùi Minh Vi       | DHI2TD  | <i>Vi</i>     |       |         | 6,9     | 7,2  | 7,1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 12138091 | Lê Việt Sơn       | DHI2TD  | <i>Son</i>    |       |         | 5,5     | 5,25 | 5,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 12138098 | Phan Huy Hoàng    | DHI2TD  | <i>Hoang</i>  |       |         | 7,3     | 7,7  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 12138099 | Nguyễn Đình Thy   | DHI2TD  | <i>Thy</i>    |       |         | V       | V    | V              | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 12138104 | Phạm Văn Tuấn     | DHI2TD  | <i>Tuan</i>   |       |         | 4,25    | 4,7  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 12138111 | Ngô Văn Viễn      | DHI2TD  | <i>Vien</i>   |       |         | 6,4     | 7,0  | 6,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 12138115 | Bùi Văn Bảo       | DHI2TD  | <i>Bao</i>    |       |         | 6,6     | 7,0  | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 12138118 | Dương Hồng Linh   | DHI2TD  | <i>Linh</i>   |       |         | 7,3     | 7,5  | 7,4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 12138121 | Lê Phúc Khánh     | DHI2TD  | <i>Khánh</i>  |       |         | 7,2     | 7,8  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 12138129 | Nguyễn Công Thuận | DHI2TD  | <i>Thuan</i>  |       |         | 7,5     | 7,5  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 12138130 | Phạm Việt Trung   | DHI2TD  | <i>Trung</i>  |       |         | 6,5     | 6,5  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 12138134 | Võ Đình Trường    | DHI2TD  | <i>Truong</i> |       |         | 6,0     | 6,6  | 6,3            | 001234567890   | 0123456789 |



**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật ĐKTD quá trình (207527) - 001\_DH12TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD103

Giảng viên: Lê Văn Bạt

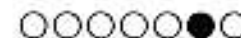
Lớp DH08TD17 (Đại học Chính quy (Tin chỉ)-Điều khiển tự động-2008)

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV            | Tên Lớp  | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Đ.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------------|----------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 08138009 | Nguyễn Thành Nam        | DH08TD17 |        |       |         | ✓       | ✓    | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 10138053 | Nguyễn Văn Vương        | DH10TD   |        |       |         | 5.0     | 6.0  | 5.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 10138055 | Nguyễn Lê Bằng          | DH10TD   |        |       |         | 5.0     | 5.0  | 5.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 10138059 | Lê Văn Hùng             | DH10TD   |        |       |         | 5.0     | 6.0  | 5.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 12138001 | Nguyễn Trường Chinh     | DH12TD   |        |       |         | 6.0     | 7.5  | 6.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 12138003 | Ngư Huy Hùng            | DH12TD   |        |       |         | ✓       | ✓    | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 12138005 | Lê Thành Trung          | DH12TD   |        |       |         | 8.7     | 8.8  | 8.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 12138006 | Nguyễn Hoàng Việt       | DH12TD   |        |       |         | 7.5     | 8.3  | 7.9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 12138008 | Trần Lê Tuấn Vũ         | DH12TD   |        |       |         | 6.8     | 6.8  | 6.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 12138009 | Ngô Hoàng Anh           | DH12TD   |        |       |         | 6.8     | 7.0  | 6.9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 12138010 | Trần Đức Anh            | DH12TD   |        |       |         | 8.2     | 8.4  | 8.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 12138011 | Ngô Nhật Anh            | DH12TD   |        |       |         | 7.0     | 8.0  | 7.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 12138034 | Nguyễn Đình Hoàng Dương | DH12TD   |        |       |         | 7.5     | 7.3  | 7.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 12138035 | Phan Tiến Đạt           | DH12TD   |        |       |         | 8.8     | 9.0  | 8.9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 12138053 | Vũ Quang Hùng           | DH12TD   |        |       |         | ✓       | ✓    | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05201



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật DKTD quá trình (207527) - 001\_DH12TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 17/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD103

Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp

DH12TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký        | Số từ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|---------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 12138055 | Huỳnh Tấn Hưng    | DH12TD  | <i>Hưng</i>   |       |         | 6,3     | 6,8  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 17  | 12138071 | Trần Vũ Nam Kha   | DH12TD  | <i>Kha</i>    |       |         | 5,8     | 7,2  | 6,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 18  | 12138072 | Dương Văn Lộc     | DH12TD  | <i>Lộc</i>    |       |         | 6,8     | 7,8  | 7,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 19  | 12138083 | Bùi Minh Vi       | DH12TD  | <i>Vi</i>     |       |         | 6,8     | 7,6  | 7,2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 20  | 12138091 | Lê Việt Sơn       | DH12TD  | <i>Sơn</i>    |       |         | 7,0     | 8,0  | 7,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 21  | 12138098 | Phan Huy Hoàng    | DH12TD  | <i>Hoàng</i>  |       |         | 7,5     | 8,5  | 8,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 22  | 12138099 | Nguyễn Đình Thy   | DH12TD  | <i>Thy</i>    |       |         | ✓       | ✓    | ✓              | 001234567890   | 0123456789 |
| 23  | 12138104 | Phạm Văn Tuấn     | DH12TD  | <i>Tuấn</i>   |       |         | 4,7     | 5,0  | 4,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 24  | 12138111 | Ngô Văn Viễn      | DH12TD  | <i>Viễn</i>   |       |         | 8,0     | 7,8  | 7,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 25  | 12138115 | Bùi Văn Bảo       | DH12TD  | <i>Bảo</i>    |       |         | 8,0     | 7,8  | 7,9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 26  | 12138118 | Dương Hồng Linh   | DH12TD  | <i>Linh</i>   |       |         | 8,1     | 8,5  | 8,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 27  | 12138121 | Lê Phúc Khánh     | DH12TD  | <i>Khánh</i>  |       |         | 7,5     | 8,0  | 7,8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 28  | 12138129 | Nguyễn Công Thuận | DH12TD  | <i>Thuận</i>  |       |         | 8,1     | 8,5  | 8,3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 29  | 12138130 | Phạm Việt Trung   | DH12TD  | <i>Trung</i>  |       |         | 6,8     | 6,5  | 6,7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 30  | 12138134 | Vũ Đình Trường    | DH12TD  | <i>Trường</i> |       |         | 7,0     | 6,6  | 6,8            | 001234567890   | 0123456789 |

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: 0

Nguyễn Lê Tường

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm KT lập trình ĐKTD quá trình (207529) - 001\_DH12TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Lê Quang Hiền

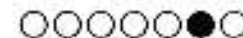
Lớp DH08TD17 (Đại học Chính quy (Tin chỉ)-Điều khiển tự động-2008)

Trang 1

| STT | Mã SV               | Họ và tên SV            | Tên Lớp         | Chữ ký              | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|---------------------|-------------------------|-----------------|---------------------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 08138009            | <del>Nguyễn Thành</del> | <del>Nam</del>  | <del>DH08TD17</del> |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 10138053            | Nguyễn Văn              | Vương           | DH10TD              | 1     |         |         | 1,0  | 1,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 10138055            | Nguyễn Lê               | Bằng            | DH10TD              | 1     |         |         | 4,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 10138059            | Lê Văn                  | Hùng            | DH10TD              | 2     |         |         | 2,5  | 2,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 12138001            | Nguyễn Trường           | Chính           | DH12TD              | 3     |         |         | 7,0  | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | <del>12138003</del> | <del>Ngô Huy</del>      | <del>Hùng</del> | <del>DH12TD</del>   |       |         |         |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 12138005            | Lê Thành                | Trung           | DH12TD              | 2     |         |         | 8,0  | 8,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 12138006            | Nguyễn Hoàng            | Việt            | DH12TD              | 2     |         |         | 7,0  | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 12138008            | Trần Lê Tuấn            | Vũ              | DH12TD              | 1     |         |         | 5,0  | 5,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 12138009            | Ngô Hoàng               | Anh             | DH12TD              | 2     |         |         | 5,5  | 5,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 12138010            | Trần Đức                | Anh             | DH12TD              | 3     |         |         | 7,0  | 7,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 12138011            | Ngô Nhật                | Anh             | DH12TD              | 2     |         |         | 6,0  | 6,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 12138034            | Nguyễn Đình Hoàng       | Dương           | DH12TD              | 1     |         |         | 4,0  | 4,0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 12138035            | Phan Tiến               | Dạt             | DH12TD              | 2     |         |         | 8,5  | 8,5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 12138053            | Vũ Quang                | Hùng            | DH12TD              | 1     |         |         | 4,5  | 4,5            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05202



Trang 2/3

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm KT lập trình ĐKTD quá trình (207529) - 001\_DH12TD\_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp

DH12TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trang 2

| STT           | Mã SV               | Họ và tên SV               | Tên Lớp           | Chữ ký       | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên           | Tổ điểm lẻ            |
|---------------|---------------------|----------------------------|-------------------|--------------|-------|---------|---------|------|----------------|--------------------------|-----------------------|
| 16            | 12138055            | Huỳnh Tấn Hưng             | DH12TD            | <i>Phung</i> | 1     |         |         | 1,0  | 1,0            | 00002345678910           | 0123456789            |
| 17            | 12138071            | Trần Vũ Nam                | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 2     |         |         | 4,5  | 4,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 18            | 12138072            | Dương Văn Lộc              | DH12TD            | <i>van</i>   | 2     |         |         | 5,5  | 5,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 19            | 12138083            | Bùi Minh Vi                | DH12TD            | <i>Vi</i>    | 1     |         |         | 4,0  | 4,0            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 20            | 12138091            | Lê Việt Sơn                | DH12TD            | <i>Son</i>   | 2     |         |         | 6,0  | 6,0            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 21            | 12138098            | Phan Huy Hoàng             | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 2     |         |         | 4,5  | 4,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| <del>22</del> | <del>12138099</del> | <del>Nguyễn Đình Thy</del> | <del>DH12TD</del> |              |       |         |         |      |                | <del>0012345678910</del> | <del>0123456789</del> |
| 23            | 12138104            | Phạm Văn Tuấn              | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 1     |         |         | 6,0  | 6,0            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 24            | 12138111            | Ngô Văn Viễn               | DH12TD            | <i>viên</i>  | 1     |         |         | 5,5  | 5,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 25            | 12138115            | Bùi Văn Bảo                | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 2     |         |         | 8,0  | 8,0            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 26            | 12138118            | Dương Hồng Linh            | DH12TD            | <i>Linh</i>  | 1     |         |         | 4,5  | 4,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 27            | 12138121            | Lê Phúc Khánh              | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 2     |         |         | 7,5  | 7,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 28            | 12138129            | Nguyễn Công Thuận          | DH12TD            | <i>Thuận</i> | 2     |         |         | 6,0  | 6,0            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 29            | 12138130            | Phạm Việt Trung            | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 1     |         |         | 4,5  | 4,5            | 0012345678910            | 0123456789            |
| 30            | 12138134            | Vô Đình Trường             | DH12TD            | <i>Phan</i>  | 2     |         |         | 5,0  | 5,0            | 0012345678910            | 0123456789            |

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: **Biến đổi năng lượng điện cơ (207531) - 001 DH14TD\_01**

Sổ Tin Ch 2

Ngày Thi                      21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phong Thi PV333

**Giảng viên: Cao Đức Lợi**

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký | Số từ | D1<br>% | D2<br>30% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-------|---------|-----------|------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 14138002 | Nguyễn Mạnh Cường | DH14TD  |        |       |         | 7         | 6.3  | 6.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 14138003 | Võng Cường        | DH14TD  |        |       |         | 6.3       | 40   | 4.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 14138005 | Phạm Quốc Dũng    | DH14TD  |        |       |         | 4         | 4.5  | 4.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 14138007 | Sầm Văn Đạo       | DH14TD  |        |       |         |           |      |                | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 14138008 | Lê Văn Đồng       | DH14TD  |        |       |         | 5.5       | 30   | 3.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 14138009 | Hoàng Văn Anh Đức | DH14TD  |        |       |         | 6.8       | 4.5  | 5.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 14138011 | Nguyễn Chánh      | DH14TD  |        |       |         | 6.8       | 3.5  | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 14138012 | Nguyễn Duy        | DH14TD  |        |       |         | 6.3       | 4.5  | 5.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 14138014 | Trần Quang Khải   | DH14TD  |        |       |         | 6.5       | 70   | 6.9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 14138016 | Phạm Đăng         | DH14TD  |        |       |         | 3.8       | 5.5  | 5.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 14138017 | Trần Đức Lâm      | DH14TD  |        |       |         | 6.8       | 50   | 5.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14138018 | Nguyễn Hoàng Long | DH14TD  |        |       |         | 6.3       | 5.0  | 5.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 14138019 | Nguyễn Thành Luân | DH14TD  |        |       |         | 6.5       | 4.0  | 4.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 14138020 | Lê Nghiê          | DH14TD  |        |       |         | 6.8       | 5.5  | 5.9            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 14138022 | Bùi Thanh Phong   | DH14TD  |        |       |         | 5.8       | 50   | 5.2            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 05203



Trang 2/2

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Biến đổi năng lượng điện cơ (207531) - 001\_DH14TD\_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **21/06/2016**Giờ Thi: **14:45**Phòng Thi **PV333**Giảng viên: **Cao Đức Lợi**Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV             | Tên Lớp | Chữ ký                 | Số tờ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------------|---------|------------------------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 16  | 14138024 | Phương Hoàng Phúc        | DH14TD  | <i>Phuc</i>            |       |      | 6.8  | 20   | 3.4         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 17  | 14138026 | Nguyễn Thanh Quang       | DH14TD  | <i>Quang</i>           |       |      | 6.3  | 20   | 3.3         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 18  | 14138027 | Phạm Nhật Quang          | DH14TD  | <i>Phạm Nhật Quang</i> |       |      | 6.8  | 30   | 4.1         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 19  | 14138028 | Phan Văn Sỹ              | DH14TD  | <i>Sy</i>              |       |      | 6.8  | 60   | 6.2         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 20  | 14138031 | Tổng Ngọc Anh Thư        | DH14TD  | <i>Thư</i>             |       |      | 7.0  | 6.0  | 6.3         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 21  | 14138032 | Lâm Văn Tiến             | DH14TD  | <i>Tiến</i>            |       |      | 6.8  | 6.0  | 6.2         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 22  | 14138034 | Nguyễn Minh Trí          | DH14TD  | <i>Trí</i>             |       |      | 7.0  | 4.5  | 5.3         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 23  | 14138036 | Nguyễn Hữu Nguyên Chương | DH14TD  | <i>Chương</i>          |       |      | 6.5  | 4.5  | 5.1         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 24  | 14138037 | Hồ Mạnh A                | DH14TD  | <i>Mạnh A</i>          |       |      | 5.3  | 4.5  | 4.7         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 25  | 14138042 | Tô Đình Dân              | DH14TD  | <i>Dân</i>             |       |      | 7.0  | 7.0  | 7.0         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |
| 26  | 14138045 | Nguyễn Thành Đạt         | DH14TD  | <i>Dat</i>             |       |      | 6.8  | 7.0  | 6.9         | ○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩   | ①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |

Số sinh viên dự thi: **9.5** Số sinh viên vắng: **0.1**

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Quang Hân**Đạt*  
*Đạt Văn Hân**Đạt*  
*Đạt Văn Hân**Đạt*  
*Cao Đức Lợi*

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Biến đổi năng lượng điện cơ (207531) - 002\_DH14TD\_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **21/06/2016**

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi **RD501**

Giảng viên: Cao Đức Lợi

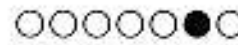
Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên          | Tô điểm lẻ        |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|-------------------------|-------------------|
| 1   | 14138047 | Lương Hồng      | Đông    | DH14TD |       |         | 6.3     | 3.0  | 4.0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 2   | 14138048 | Nguyễn Hữu      | Hải     | DH14TD |       |         | 7.5     | 5.5  | 6.1            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 3   | 14138051 | Lê Văn          | Hiếu    | DH14TD |       |         | 6.8     | 4.0  | 4.8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 4   | 14138056 | Võ Thành        | Hưng    | DH14TD |       |         | 6.8     | 4.5  | 5.2            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 5   | 14138057 | Nguyễn Triều    | Khang   | DH14TD |       |         | 7.0     | 2.0  | 3.5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 6   | 14138058 | Nguyễn Đăng     | Khoa    | DH14TD |       |         | 4.0     | 5.5  | 5.1            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 7   | 14138061 | Nguyễn Đỗ Hùng  | Lâm     | DH14TD |       |         | 5.5     | 4.5  | 4.8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 8   | 14138064 | Lê Đình         | Long    | DH14TD |       |         | 6.8     | 7.0  | 6.9            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 9   | 14138068 | Võ Lê Hoài      | Nam     | DH14TD |       |         | 7.0     | 2.0  | 3.5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 10  | 14138070 | Lê Thành        | Nghĩa   | DH14TD |       |         | 7.3     | 9.0  | 8.5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 11  | 14138071 | Nguyễn Thị Kiều | Ngoan   | DH14TD |       |         | 6.3     | 8.0  | 7.5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 12  | 14138072 | Nguyễn Vũ       | Nguyễn  | DH14TD |       |         | 7.0     | 8.5  | 8.0            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 13  | 14138073 | Nguyễn Thành    | Nhân    | DH14TD |       |         | 6.8     | 7.0  | 6.9            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 14  | 14138077 | Võ Văn          | Phượng  | DH14TD |       |         | 6.5     | 5.5  | 5.8            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 15  | 14138078 | Võ Đại          | Phước   | DH14TD |       |         | 7.0     | 7.8  | 7.5            | ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |



Mã nhận dạng 05204



Trang 2/2

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Biến đổi năng lượng điện cơ (207531) - 002\_DH14TD\_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 21/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RDS01

Giảng viên: Cao Đức Lợi

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | D.Số | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------|-------|---------|---------|------|----------------|----------------|------------|
| 16  | 14138083 | Nguyễn Hồng Sơn    | DH14TD  |        |       |         | 7.0     | 9.0  | 8.4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 17  | 14138085 | Lê Hữu Tài         | DH14TD  |        |       |         | 5.5     | 5.0  | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 14138088 | Nguyễn Đông Trung  | DH14TD  |        |       |         | 6.5     | 5.0  | 5.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 14138091 | Dương Thanh Thảo   | DH14TD  |        |       |         | 5.5     | 3.0  | 3.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14138096 | Nguyễn Công Thiện  | DH14TD  |        |       |         | 6.8     | 4.5  | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 21  | 14138098 | Huỳnh Quốc Thông   | DH14TD  |        |       |         | 7.0     | 5.0  | 5.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 22  | 14138100 | Nguyễn Văn Tinh    | DH14TD  |        |       |         | 7.3     | 5.8  | 5.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 23  | 14138104 | Phan Văn Toàn      | DH14TD  |        |       |         | 6.5     | 8.5  | 7.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 24  | 14138106 | Nguyễn Trọng Tri   | DH14TD  |        |       |         | 6.3     | 6.3  | 6.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 25  | 14138109 | Nguyễn Thái Trường | DH14TD  |        |       |         | 6.3     | 4.5  | 5.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 26  | 14138113 | Trịnh Châu Từ      | DH14TD  |        |       |         | 6.5     | 3.0  | 4.1            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi 26 Số sinh viên vắng: 0Ngày 13 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

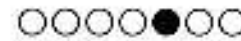
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 05194



Trang 4/6

## Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm PLC &amp; ứng dụng (207516) - 001\_DH13TD\_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Đặng Ngọc Toàn

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển &amp; tự động hóa)

Trung 4

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký | Số tỷ | D1 % | D2 % | D.Số | Điểm T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm K  |
|-----|----------|--------------|---------|--------|-------|------|------|------|-------------|----------------|------------|
| 46  | 13138165 | Man Hồng     | Quinn   | DH13TD | 9     |      | 8.75 | 1.0  | 5.0         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 47  | 13138172 | Nguyễn Văn   | Sang    | DH13TD | 9     |      | 8    | 2.25 | 5.3         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 48  | 13138173 | Trần Vũ      | Sang    | DH13TD |       |      |      | 8.0  | Y           | 0001234567890  | 0123456789 |
| 49  | 13138174 | Trần Thị     | Sang    | DH13TD | 9     |      | 9    | 8.0  | 8.5         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 50  | 13138175 | Bùi Thái     | Son     | DH13TD | 9     |      | 8.5  | 8.0  | 8.4         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 51  | 13138181 | Phạm Văn     | Tâm     | DH13TD | 9     |      | 9    | 4.25 | 6.6         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 52  | 13138183 | Vũ Minh      | Tâm     | DH13TD | 9     |      | 9.25 | 8.0  | 8.6         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 53  | 13138185 | Lê Duy       | Tân     | DH13TD | 9     |      | 9.25 | 6.0  | 7.6         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 54  | 13138189 | Vân Thành    | Tân     | DH13TD | 9     |      | 9    | 6.5  | 7.8         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 55  | 13138192 | Phạm Văn     | Thanh   | DH13TD | 9     |      | 9    | 6.25 | 7.6         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 56  | 13138195 | Hà Đình      | Thành   | DH13TD | 9     |      | 9    | 1.0  | 5.0         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 57  | 13138200 | Lê Ngọc      | Thạch   | DH13TD | 9     |      | 9.25 | 4.0  | 6.6         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 58  | 13138201 | Vân Thiên    | Thăng   | DH13TD | 9     |      | 8.5  | 1.0  | 4.9         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 59  | 13138210 | Trương Văn   | Thọ     | DH13TD | 9     |      | 9    | 6.5  | 7.8         | 0001234567890  | 0123456789 |
| 60  | 13138220 | Trương Tấn   | Tỉnh    | DH13TD | 9     |      | 8    | 1.0  | 4.7         | 0001234567890  | 0123456789 |

# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập DK-LT giao tiếp MT (207522) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | D1 % | D2 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tử điểm lẻ  |
|-----|----------|------------------|--------|--------|-------|------|------|----------|-------------|------------------|-------------|
| 1   | 12138005 | Lê Thành Trung   | DH12TD |        | 2     |      |      | 9,5      | 9,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 2   | 12138009 | Ngô Hoàng Anh    | DH12TD |        | 4     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 3   | 12138010 | Trần Đức Anh     | DH12TD |        | 3     |      |      | 7,0      | 7,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 4   | 12138017 | Trần Đức Bảo     | DH12TD |        | 3     |      |      | 8,8      | 8,8         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 5   | 12138025 | Phạm Thanh Bình  | DH12TD |        | 1     |      |      | 6,5      | 6,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 6   | 12138035 | Phan Tiến Đạt    | DH12TD |        | 1     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 7   | 12138046 | Nguyễn Thế Hiền  | DH12TD |        | 2     |      |      | 8,5      | 8,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 8   | 12138055 | Huỳnh Tấn Hưng   | DH12TD |        | 1     |      |      | 8,0      | 8,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 9   | 12138062 | Tăng Võ Lâm      | DH12TD |        | 4     |      |      | 8,8      | 8,8         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 10  | 12138072 | Dương Văn Lộc    | DH12TD |        | 1     |      |      | 4,0      | 4,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 11  | 12138083 | Bùi Minh Vi      | DH12TD |        | 1     |      |      | 5,5      | 5,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 12  | 12138087 | Trương Thị Tuyết | DH12TD |        | 1     |      |      | 7,25     | 7,3         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 13  | 12138091 | Lê Việt Sơn      | DH12TD |        | 2     |      |      | 6,25     | 6,8         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 14  | 12138093 | Nguyễn Minh Tâm  | DH12TD |        | 2     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 15  | 12138111 | Ngô Văn Viễn     | DH12TD |        | 2     |      |      | 5,5      | 5,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 16  | 12138115 | Bùi Văn Bảo      | DH12TD |        | 2     |      |      | 4,5      | 4,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 17  | 12138117 | Nguyễn Văn Hào   | DH12TD |        | 2     |      |      | 9,0      | 9,0         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |
| 18  | 12138121 | Lê Phúc Khánh    | DH12TD |        | 4     |      |      | 4,5      | 4,5         | ○○○12345678910   | ○○123456789 |